| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC<br>VIỆT NAM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 34 /QĐ-NHNN | *Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược ngân hàng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện Chiến lược ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng, Chủ tịch Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân, Tổng giám đốc các doanh nghiệp do NHNN quản lý, Chủ tịch hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỐNG ĐỐC**

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (để b/c);
- Thống đốc NHNN;
- Các Phó Thống đốc NHNN (để chỉ đạo);
- Đảng ủy Cơ quan NHTW;
- Lưu: VP NHNN, VCL.

**Lê Minh Hưng**

| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC<br>VIỆT NAM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /QĐ-NHNN ngày 07 / 01 / 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

Ngày 08/08/2018 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 986/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng).

Để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng theo từng giai đoạn, thực hiện thành công mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) xây dựng Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động), bao gồm những nội dung chủ yếu như sau:

## I. MỤC ĐÍCH CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

1. Chương trình hành động nhằm triển khai chỉ đạo của NHNN đến các đơn vị thuộc ngành Ngân hàng trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xác định trong Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng để đạt được mục tiêu và theo đúng quan điểm đã đề ra tại Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng.

2. Chương trình hành động là căn cứ cho các đơn vị, Vụ, Cục trực thuộc NHNN, các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp do NHNN quản lý, các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Hiệp hội ngân hàng, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi tắt là các đơn vị trong ngành Ngân hàng) xây dựng hoặc điều chỉnh các Chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động theo chức năng để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của đơn vị mình mà Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đã định hướng.

3. Chương trình hành động là căn cứ để tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng; đồng thời là căn cứ để phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh mục tiêu, nội dung Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng trong trường hợp cần thiết.

## II. CÁC YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung công việc, các nhiệm vụ xác định trong Chương trình hành động này được dựa trên những yêu cầu cơ bản sau đây:

1. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm đổi mới và phát triển cũng như các mục tiêu mà Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đã đề ra để thống nhất hành động trong toàn ngành Ngân hàng; Triển khai đầy đủ nhiệm vụ, giải pháp Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng tới các đơn vị trong ngành Ngân hàng; Giám sát quá trình thực hiện; Đánh giá thường xuyên kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn, mức độ và khả năng đạt được mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng; Điều chỉnh mục tiêu phù hợp với bối cảnh khi cần thiết để đảm bảo tính khả thi cao.

2. Cụ thể hóa các yêu cầu trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng; tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, đồng thời bao quát được nhiệm vụ lâu dài; thể hiện tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị và sự hợp tác giữa các đơn vị trong và ngoài ngành Ngân hàng trong việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp và việc đạt được mục tiêu đề ra tại Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng.

3. Đảm bảo sự nhất quán với việc tổ chức thực hiện các chương trình hành động của Chính phủ trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng, các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Thông tin tuyên truyền, phổ biến Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và Chương trình hành động

a) Tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng.

b) Tổ chức Hội nghị để phổ biến về nội dung Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và Chương trình hành động cho các đơn vị trong ngành Ngân hàng.

c) Xây dựng các chương trình truyền thông khác về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và Chương trình hành động.

### 2. Giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng/Chương trình hành động

a) Nội dung giám sát, đánh giá:

- Tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng.

- Mức độ và khả năng đạt được mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đặt ra cho từng giai đoạn và cuối thời kỳ Chiến lược.

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai và đề xuất bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng (nếu cần thiết).

b) Biện pháp giám sát, đánh giá: Việc giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng/Chương trình hành động được thông qua các biện pháp sau:

- Thông qua chế độ báo cáo:

(1) Báo cáo chuyên đề hàng năm về tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng.

(2) Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng vào năm 2020, 2025, đánh giá mức độ và khả năng đạt được các mục tiêu Chiến lược, chỉnh sửa, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp cho từng giai đoạn (nếu cần thiết).

(3) Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng vào năm 2030.

(4) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thống đốc NHNN hoặc các cấp có thẩm quyền.

- Thông qua hình thức kiểm tra tại chỗ/điều tra, khảo sát thực tế:

(1) Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động tại các đơn vị trong ngành Ngân hàng (nếu cần thiết).

(2) Tổ chức điều tra, khảo sát về việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng (nếu cần thiết).

- Thông qua tổng hợp, phân tích số liệu thống kê để đánh giá mức độ và khả năng đạt được các mục tiêu Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng.

- Biện pháp khác phù hợp với qui định của Pháp luật.

c) Hội nghị sơ kết, tổng kết:

- Hội nghị sơ kết sẽ được tiến hành vào năm 2020, 2025 nhằm đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong giai đoạn này và đề xuất điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trong từng giai đoạn.

- Hội nghị tổng kết được tiến hành vào năm 2030 nhằm đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cho thời kỳ tiếp theo (nếu có).

**3. Trách nhiệm thực hiện**

3.1. Đối với các đơn vị trong ngành Ngân hàng: Triển khai các nội dung theo Phụ lục 1 kèm theo Chương trình hành động.

3.2. Đối với Học viện ngân hàng và Đại học ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh: Rà soát Chiến lược phát triển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề xuất bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng (nếu cần thiết).

3.3. Đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam: Xây dựng Chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 gửi NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để NHNN trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3.4. Đối với các doanh nghiệp nhà nước do NHNN quản lý gồm: *Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC); Nhà máy in tiền quốc gia; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam*: Xây dựng Chiến lược phát triển của đơn vị mình trình NHNN phê duyệt;

Riêng 03 ngân hàng Nhà nước mua lại bắt buộc (*Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, Ngân hàng Xây dựng Việt Nam, Ngân hàng Đại Dương*): xây dựng Chiến lược phát triển của đơn vị mình sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án xử lý/Phương án cơ cấu lại.

3.5. Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước do NHNN quản lý, gồm: *Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS); Ngân hàng Hợp tác xã; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam*: Xây dựng Chiến lược phát triển trình Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên phê duyệt. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm xin ý kiến NHNN về nội dung cần biểu quyết theo quy định của pháp luật.

3.6. Đối với NHCSXH: Xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 trình Thống đốc NHNN thông qua để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

3.7. Đối với các TCTD (ngoại trừ quỹ tín dụng nhân dân và các ngân hàng nêu tại điểm 3.4, 3.5 và 3.6 trên đây) và chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Đối với TCTD đã xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển: Rà soát Chiến lược phát triển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng (nếu cần thiết).

- Đối với TCTD chưa xây dựng Chiến lược phát triển: Xây dựng Chiến lược phát triển trình Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên phê duyệt theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của TCTD và các quy định có liên quan.

- Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Thực hiện theo các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và Chiến lược phát triển/kinh doanh của ngân hàng mẹ.

3.8. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các nhiệm vụ nêu tại điểm 3.1 (các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục 1).

b) Đầu mối tham mưu cho Thống đốc NHNN:

(i) Phê duyệt Chiến lược phát triển của VAMC, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

(ii) Có ý kiến về Chiến lược phát triển của Ngân hàng Hợp tác xã, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt

Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam khi Người đại diện phần vốn nhà nước xin ý kiến theo quy định.

(iii) Thông qua Chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 của Ngân hàng Chính sách xã hội trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Thông qua công tác quản lý, thanh tra, giám sát, đánh giá về việc thực hiện của các TCTD đối với nhóm nhiệm vụ, giải pháp số 7 của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng: *"Phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế"*.

3.9. Vụ Thanh toán:

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các nhiệm vụ nêu tại điểm 3.1 (các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục 1).

b) Đầu mối tham mưu cho Thống đốc NHNN: có ý kiến về Chiến lược phát triển của NAPAS khi Người đại diện phần vốn nhà nước xin ý kiến theo quy định.

3.10. Cục phát hành kho quỹ:

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các nhiệm vụ nêu tại điểm 3.1 (các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục 1).

b) Đầu mối phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ Tài chính kế toán tham mưu cho Thống đốc NHNN: phê duyệt Chiến lược phát triển của Nhà máy in tiền Quốc gia.

3.11. Đối với Viện Chiến lược ngân hàng:

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các nhiệm vụ nêu tại điểm 3.1 (các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục 1).

b) Đầu mối tham mưu cho Thống đốc NHNN:

(i) Giám sát và đánh giá quá trình triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng/Chương trình hành động quy định tại điểm 2, mục III của Chương trình hành động này.

(ii) Xử lý những vướng mắc phát sinh liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của các đơn vị trong ngành Ngân hàng.

(iii) Đề xuất bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng (nếu cần thiết).

c) Đầu mối xây dựng các Báo cáo nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất, tiết b, điểm 2, Mục III của Chương trình hành động này.

d) Đầu mối, phối hợp với Vụ Truyền thông, Văn phòng Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, đơn vị liên quan tổ chức các Hội nghị sơ kết và tổng kết Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng theo các giai đoạn.

3.12. Đối với Vụ Truyền thông:

a) Các nhiệm vụ nêu tại điểm 3.1 (các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục 1)

b) Đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công tác truyền thông theo các nội dung quy định tại điểm 1, mục III và truyền thông cho các Hội nghị sơ kết và tổng kết Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng theo các giai đoạn.

**4. Nội dung và thời hạn xây dựng Chiến lược phát triển của các đơn vị:**

a) Về nội dung Chiến lược phát triển:

Các đơn vị có trách nhiệm xây dựng Chiến lược phát triển (trong trường hợp chưa có Chiến lược phát triển được phê duyệt) hoặc điều chỉnh Chiến lược phát triển (trong trường hợp Chiến lược phát triển đã được phê duyệt) phù hợp với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng. Trong đó:

- Chủ động xác định thời kỳ và các giai đoạn của Chiến lược phát triển.

- Chiến lược phát triển cần đảm bảo tối thiểu các nội dung theo Phụ lục 2 kèm theo Chương trình hành động.

- Đối với các TCTD (ngoại trừ quỹ tín dụng nhân dân, NHCSXH và 03 ngân hàng Nhà nước mua lại bắt buộc): Giai đoạn từ nay đến năm 2020, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển được xây dựng phù hợp với phương án cơ cấu lại giai đoạn 2016-2020 được NHNN phê duyệt/chấp thuận chủ trương.

b) Về thời hạn xây dựng Chiến lược phát triển:

- Các doanh nghiệp Nhà nước do NHNN quản lý thực hiện theo Điều 11-Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ.

- Các TCTD (ngoại trừ quỹ tín dụng nhân dân, NHCSXH và 03 ngân hàng Nhà nước mua lại bắt buộc): Chủ động thời hạn xây dựng/điều chỉnh Chiến lược phát triển của đơn vị mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm xây dựng và trình NHNN thông qua Chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo thời hạn quy định tại điểm 8c.1 của Phụ lục 1 kèm theo Chương trình hành động.

- NHCSXH có trách nhiệm xây dựng và trình NHNN thông qua Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê

duyệt theo thời hạn quy định tại điểm 8a.3 của Phụ lục 1 kèm theo Chương trình hành động.

**5. Chế độ báo cáo:**

a) Nội dung báo cáo:

- Đối với các đơn vị, Vụ, Cục thuộc NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Nhà máy in tiền quốc gia, Hiệp hội quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Hợp tác xã, NHCSXH, VAMC, CIC, NAPAS: báo cáo theo Phụ lục 3 kèm theo Chương trình hành động.

- Đối với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: báo cáo theo Phụ lục 4 kèm theo Chương trình hành động.

- Đối với NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: báo cáo theo Phụ lục 5 kèm theo Chương trình hành động.

- Đối với Ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng (Công ty tài chính, Công ty tài chính tiêu dùng, Công ty cho thuê tài chính), tổ chức tài chính vi mô: báo cáo theo Phụ lục 6 kèm theo Chương trình hành động.

- Quỹ tín dụng nhân dân: báo cáo theo Phụ lục 7 kèm theo Chương trình hành động.

b) Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo chuyên đề hàng năm:

+ Đối với báo cáo chuyên đề năm 2018: chậm nhất ngày 10/4/2019. Riêng đối với Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm nhất ngày 20/4/2019;

+ Đối với báo cáo chuyên đề các năm khác (ngoại trừ năm 2018): chậm nhất ngày 10/1 của năm tiếp theo. Riêng đối với Cơ quan thanh tra, giám sat ngân hàng và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm nhất ngày 20/1 của năm tiếp theo;

+ Không thực hiện báo cáo chuyên đề năm 2020, 2025.

- Báo cáo sơ kết giai đoạn 2018-2020: chậm nhất ngày 10/9/2020. Riêng đối với Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm nhất ngày 20/9/2020.

- Báo cáo sơ kết giai đoạn 2021-2025: chậm nhất ngày 10/9/2025. Riêng đối với Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm nhất ngày 20/9/2025.

- Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng: chậm nhất ngày 10/9/2030. Riêng đối với Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm nhất ngày 20/9/2030.

c) Thời điểm lấy thông tin báo cáo:

- Đối với báo cáo chuyên đề hàng năm: 31/12 của năm báo cáo;

- Đối với báo cáo sơ kết giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2021-2025: 30/6/2020 và 30/6/2025;

- Đối với báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng: 30/6/2030.

d) Nơi gửi báo cáo: Theo "nơi nhận" báo cáo ghi tại cuối các mẫu báo cáo (Phụ lục 3, 4, 5, 6,7).

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**PHỤ LỤC 1**

**PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /QĐ-NHNN ngày 07 /01 /2019 của Thống đốc NHNN)*

**Phần A: Trách nhiệm theo dõi, báo cáo, đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng**

| STT | Mục tiêu cụ thể | Mục tiêu đến 2020 | Mục tiêu đến năm 2025/2030 | Đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo, đánh giá | Các đơn vị phối hợp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tăng dần tính độc lập, chủ động và trách nhiệm giải trình của NHNN về thực hiện mục tiêu điều hành CSTT, kiểm soát lạm phát ở mức phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững. | - | - | Vụ CSTT | Vụ DBTK và các đơn vị liên quan |
| | | Giảm dần tỷ lệ tín dụng ngoại tệ/tổng tín dụng, phấn đấu tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán đạt mức dưới 7,5% | Giảm dần tỷ lệ tín dụng ngoại tệ/tổng tín dụng, phấn đấu tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán đạt mức mức 5% vào năm 2030; tiến tới ngừng cho vay ngoại tệ để chậm nhất đến năm 2030 cơ bản khắc phục tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế. | Vụ CSTT | Vụ DBTK, Vụ QLNH, Vụ Tín dụng CNKT |
| 2 | Tăng cường năng lực thể chế, hiệu lực, hiệu quả thanh tra, giám sát ngân hàng của NHNN; Mở rộng phạm vi thanh tra, giám sát đến các tập đoàn tài chính dưới hình thức công ty mẹ - con, trong đó công ty mẹ là TCTD; tuân thủ phần lớn các nguyên tắc giám sát ngân hàng hiệu quả theo Basel | | Đến cuối năm 2025, thanh tra, giám sát ngân hàng tuân thủ phần lớn các nguyên tắc giám sát ngân hàng hiệu quả theo Basel | CQTTGSNH | |
| 3 | Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, tối ưu hóa mạng lưới ATM và POS. Giảm dần tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh | Đến cuối năm 2020, Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán ở mức dưới 10% | Đến cuối năm 2025, Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán ở mức dưới 8% | Vụ Thanh toán | Các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | toán | | | | |
| 4 | Tăng số lượng doanh nghiệp và người dân tiếp cận với các dịch vụ tài chính, ngân hàng do các TCTD cung ứng. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp phục vụ các nhóm dân cư chưa hoặc ít được tiếp cận với dịch vụ ngân hàng truyền thống ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn | | | Viện CLNH | Vụ Thanh toán CQTTGSNH và các đơn vị có liên quan, Các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài |
| 5 | Phát triển hệ thống các TCTD phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thực trạng của hệ thống qua từng giai đoạn | Các NHTM cơ bản có mức vốn tự có theo chuẩn mực của Basel II, trong đó ít nhất 12-15 NHTM áp dụng thành công Basel II phương pháp tiêu chuẩn trở lên | Tất cả các NHTM áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, triển khai thí điểm áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao tại NHTM Nhà nước nắm cổ phần chi phối và ngân hàng TMCP có chất lượng quản trị tốt đã hoàn thành áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn | CQTTGSNH | NHTM |
| | | Có ít nhất từ 1 đến 2 NHTM trong tốp 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực Châu Á | Có ít nhất từ 2-3 NHTM nằm trong tốp 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực Châu Á (2025) | CQTTGSNH | Vụ CSTT, NHTM |
| | | Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các NHTM lên khoảng 12 - 13% | Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các NHTM lên khoảng 16-17% | CQTTGSNH | NHTM |
| | | Hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu của các NHTM cổ phần trên thị trường chứng khoán Việt Nam | 3-5 ngân hàng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài (2025) | CQTTGSNH | NHTM |
| | | Đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các TCTD, nợ xấu đã bán cho VAMC và nợ đã thực hiện các biện pháp phân loại nợ xuống dưới 3% (không bao gồm các | Nợ xấu của toàn hệ thống các TCTD dưới 3%. | CQTTGSNH | VAMC, Các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | NHTM yếu kém đã được Chính phủ phê duyệt phương án xử lý). | | | |
| 6.1 | Tăng hiệu quả phân bổ nguồn vốn tín dụng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh trong các chương trình, dự án vay vốn tín dụng. | | | Vụ Tín dụng CNKT | Viện CLNH, CQTTGSNH, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài |
| 6.2 | Thúc đẩy phát triển "tín dụng xanh", "ngân hàng xanh" để góp phần chuyển đổi nền kinh tế sang hướng tăng trưởng xanh, phát thải các bon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu; Tăng tỷ trọng vốn tín dụng ngân hàng đầu tư vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các bon. | | | Viện CLNH | Vụ Tín dụng CNKT, CQTTGSNH, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài |
| 7 | Từng bước nâng cao vị thế của Việt Nam tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế về tiền tệ ngân hàng, phục vụ cho phát triển ngành Ngân hàng, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế | | | Vụ HTQT | Các đơn vị, Vụ/Cục có liên quan |

**Phần B: Phân công trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược**

| STT | Nhóm nhiệm vụ/giải pháp | Tên nhiệm vụ/giải pháp cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Kết quả đầu ra | Thời hạn hoàn thành |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, phù hợp thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập** | | | | | | |
| 1.1 | | Rà soát, hoàn thiện Luật NHNN Việt Nam và các quy định liên quan về nhiệm vụ quyền hạn của NHNN bảo đảm vừa tăng cường được tính độc lập, chủ động trong điều hành CSTT, vừa bảo đảm vai trò của NHNN là một cơ quan Chính phủ. Củng cố, nâng cao năng lực ngành Ngân hàng, bảo đảm sau năm 2020 thị trường ngân hàng cơ bản hoạt động theo nguyên tắc thị trường; Xác định vai trò đầu mối của NHNN trong việc thúc đẩy ổn định tài chính; Luật hóa chức năng ổn định tài chính của NHNN | Vụ Pháp chế | Các Vụ, Cục thuộc NHNN | Báo cáo rà soát, tổng kết thi hành Luật NHNN và đề xuất xây dựng Luật sửa đổi bổ sung Luật NHNN (nếu cần thiết) | 2021-2025 |
| 1.2 | | - Rà soát, đánh giá tác động và hiệu quả, từ đó sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định liên quan đến ổn định tiền tệ theo hướng: bảo đảm thực hiện CSTT theo mục tiêu kiểm soát lạm phát, phối hợp có hiệu quả giữa CSTT và chính sách tài khóa và các chính sách khác.<br>- Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ. Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT. | Vụ CSTT<br><br>Vụ CSTT | Vụ Pháp chế, Vụ QLNH, Vụ DBTK, Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Tín dụng CNKT<br><br>Vụ Pháp chế, Vụ QLNH, Vụ DBTK, Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Tín dụng CNKT | - Kết quả rà soát, đánh giá<br>- Các cơ chế, chính sách liên quan<br><br>Nhiệm vụ thường xuyên | 2018-2020<br>2021-2025<br><br>Hàng năm |
| 1.3 | | Xây dựng hệ thống các chỉ số chuẩn để đánh giá tính ổn định, an toàn của thị trường tiền tệ. | Vụ Ổn định TT-TC | Vụ CSTT, Sở Giao dịch, Vụ DBTK, Vụ QLNH, Vụ Thanh toán, Cục CNTT | Hệ thống các chỉ số đánh giá | 2018-2020 |
| 1.4 | | Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Pháp lệnh ngoại hối 2005 và Pháp lệnh sửa đổi pháp lệnh ngoại hối năm 2013; hoàn thiện khung | Vụ QLNH | Vụ Pháp chế, Vụ CSTT, Vụ DBTK | Báo cáo tổng kết việc thực hiện pháp lệnh ngoại | 2018-2019 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | pháp lý về quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn, giao dịch vãng lai và các quan hệ kinh tế khác liên quan đến ngoại hối. | | | hối 2005 và pháp lệnh sửa đổi năm 2013 | |
| **1.5** | | Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý xác định trách nhiệm của NHNN trong việc thanh tra, giám sát các tập đoàn tài chính dưới hình thức công ty mẹ-con; Đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Chính phủ xây dựng khuôn khổ pháp lý về Tập đoàn tài chính. | Vụ Pháp chế | - CQTTGSNH chịu trách nhiệm về nội dung cấu phần về tập đoàn tài chính.<br>- Đơn vị phối hợp khác: Vụ Ổn định TT-TC và các đơn vị có liên quan | Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD (cấu phần về tập đoàn tài chính) | 2018-2020 |
| **1.6** | | Từng bước hoàn thiện khuôn pháp lý cho hoạt động giám sát an toàn vĩ mô đối với hệ thống tài chính. | Vụ Ổn định TT-TC | CQTTGSNH, Vụ Pháp chế, Vụ CSTT, Vụ DBTK | Các cơ chế, chính sách liên quan | 2021-2025 |
| **1.7** | | Nghiên cứu, đề xuất về mô hình giám sát hợp nhất hệ thống tài chính phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn của Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. | CQTTGSNH | Viện CLNH, Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Pháp chế, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | Báo cáo nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ | 2021-2025 |
| **1.8** | | Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định về đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, cấp phép, thanh tra, giám sát và xử lý sau thanh tra, giám sát theo hướng: phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam; tăng cường trách nhiệm, tăng tính công khai, minh bạch trong quản trị và hoạt động của các TCTD, phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại các TCTD trong từng giai đoạn. | CQTTGSNH | Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Pháp chế, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, VAMC | Các cơ chế, chính sách liên quan | 2018-2019 |
| **1.9** | | Ban hành lộ trình hướng dẫn và triển khai Basel II. | CQTTGSNH | Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Pháp chế, , Cục CNTT, CIC, Vụ HTQT | Thông tư quy định tỷ lệ an toàn vốn theo phương pháp nâng cao của Basel II, xây dựng phương án tập trung cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc triển khai | 2018-2020 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Basel II | |
| **1.10** | | Xây dựng tiêu chí, phân loại, xếp hạng các TCTD; rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát thích hợp đối với mỗi loại. | CQTTGSNH | Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Pháp chế, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, VAMC | Các cơ chế, chính sách liên quan | 2018-2019 |
| **1.11** | | Xây dựng cơ chế hỗ trợ các TCTD được chỉ định tiếp nhận, quản lý TCTD yếu kém và các TCTD tham gia tái cơ cấu. | CQTTGSNH | Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Pháp chế, VAMC, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | Các cơ chế, chính sách liên quan | 2018-2019 |
| **1.12** | | Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro, cơ chế xử lý khủng hoảng hệ thống và xử lý các TCTD tiềm ẩn rủi ro cao, bảo đảm quyền can thiệp của NHNN nhằm bảo vệ sự an toàn hệ thống và an toàn tiền gửi của người dân. | CQTTGSNH | Vụ Pháp chế, Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Pháp chế, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, VAMC, Vụ Thanh toán | Các cơ chế, chính sách liên quan | 2018-2019 |
| **1.13** | | Sửa đổi, bổ sung các quy định xử lý sở hữu chéo, ngăn ngừa việc lạm dụng quyền quản trị, điều hành, quyền cổ đông lớn để thao túng hoạt động của TCTD. | CQTTGSNH | Vụ Pháp chế, Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Pháp chế, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, VAMC, Vụ TCCB | Các cơ chế, chính sách liên quan | 2018-2025 |
| **1.14** | | Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất, phá sản của TCTD. | CQTTGSNH | Vụ Pháp chế Vụ Pháp chế, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, VAMC | Các cơ chế, chính sách liên quan | 2018-2019 |
| **1.15** | | Nghiên cứu, sửa đổi quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của các TCTD Việt Nam theo hướng tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với từng loại hình TCTD phù hợp với các cam kết quốc tế đã ký kết nhằm tăng cường huy động nguồn lực về vốn, công nghệ, quản trị của nhà đầu tư nước ngoài; đồng thời khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài tham gia xử lý TCTD yếu kém. | CQTTGSNH | Vụ Pháp chế, Vụ QLNH, Vụ TCCB | Nghị định của Chính phủ | 2018-2019 |
| **1.16** | | Xây dựng và ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm tiền gửi. | Vụ Pháp chế | CQTTGSNH, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các đơn vị có liên quan | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm tiền gửi | 2021-2025 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1.17** | | Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống rửa tiền. | Vụ Pháp chế | CQTTGSNH và các đơn vị có liên quan | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống rửa tiền | 2018-2019 |
| **1.18** | | Nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật Các hệ thống thanh toán, nhằm tăng cường quản lý, giám sát hệ thống thanh toán trong nền kinh tế đảm bảo an toàn, phù hợp với thực tế Việt Nam dựa trên chuẩn mực, thông lệ quốc tế và nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh toán của NHNN. | Vụ Thanh toán | Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan | Dự án Luật Các hệ thống thanh toán | 2021-2025 |
| **1.19** | | Hoàn thiện thể chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để các TCTD cung ứng đầy đủ, đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính, nhất là sản phẩm dịch vụ ngân hàng phi tín dụng và các sản phẩm dịch vụ hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế. | Các Vụ/Cục xây dựng cơ chế chính sách liên quan đến việc cung ứng sản phẩm dịch vụ: Vụ CSTT, Vụ QLNH, CQTTGSNH, Vụ Tín dụng CNKT, Cục Phát hành kho quỹ, Vụ Thanh toán | Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan | - Rà soát các thể chế, chính sách về sản phẩm dịch vụ tài chính<br><br>- Hoàn thiện thể chế chính sách về sản phẩm, dịch vụ tài chính | 2018-2019<br><br>2020-2022 |
| **1.20** | | Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về tiền điện tử. | Vụ Thanh toán | Vụ Pháp chế, Vụ CSTT, Cục CNTT, NAPAS, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | Các cơ chế, chính sách liên quan | 2018-2019 |
| **2. Tăng cường năng lực thể chế, nâng cao vị thế, tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của NHNN** | | | | | | |
| **2a** | Cơ cấu lại tổ chức NHNN theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa cao, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý và điều hành | | | | | |
| **2a.1** | | Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn và tổ chức lại các Vụ, Cục thuộc Trụ sở chính của NHNN nhằm tập trung quản lý và điều hành theo các khối hoạt động, bảo đảm yêu cầu thông suốt và hiệu quả; từng bước phù hợp | Vụ TCCB | Các đơn vị có liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | 2021 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. | | | | |
| **2a.2** | | Từng bước tổ chức hợp lý, hiệu quả việc cung ứng tiền mặt; công tác kiểm đếm, phân loại, bảo quản, vận chuyển tiền mặt trong ngành Ngân hàng và phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ ngân quỹ theo hướng chấp thuận cho các TCTD hoặc các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ này; nâng cao trách nhiệm của các TCTD trong công tác quản lý tiền mặt và an toàn kho quỹ. | Cục Phát hành kho quỹ | Sở Giao dịch, NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố, Vụ Pháp chế, CQTTGSNH, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Các cơ chế, chính sách liên quan và triển khai thực hiện | 2018-2025 |
| **2a.3** | | Củng cố vai trò của Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia (CIC), nâng cao chất lượng thông tin cá nhân và doanh nghiệp, hỗ trợ các TCTD tiếp cận thông tin đầy đủ để cung ứng dịch vụ hiệu quả, an toàn. | CIC | Cục CNTT, TCTD | Các cơ chế, chính sách liên quan và triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **2a.4** | | Thực hiện đúng lộ trình Đề án phát triển Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 đã được phê duyệt theo Quyết định số 1033/QĐ-NHNN ngày 26/5/2014 của Thống đốc NHNN. | CIC | Các đơn vị có liên quan | Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Đề án | 2018-2020 |
| **2a.5** | | Tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin để CIC trở thành kênh thông tin tín dụng tin cậy, phục vụ công tác hoạch định chính sách của NHNN và hỗ trợ các TCTD ngăn ngừa và hạn chế rủi ro. | CIC | Các đơn vị có liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | 2018-2025 |
| **2a.6** | | Rà soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố. | Vụ TCCB | NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố, Các vụ, cục liên quan | Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố | 2020 |
| **2a.7** | | Tiếp tục sắp xếp hệ thống NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu về cải cách hành chính và cung ứng dịch vụ tài chính; Sau năm 2025, hình thành NHNN | Vụ TCCB | NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố, Các vụ, cục liên quan | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch... và việc triển khai thực hiện | 2021-2025 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | khu vực. | | | | |
| **2b** | Tăng cường vai trò của NHNN trong ổn định tiền tệ và ổn định tài chính, tăng tính tự chủ và trách nhiệm giải trình. Tiếp tục nâng cao năng lực điều hành của NHNN theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế | | | | | |
| **2b.1** | | Tăng cường vai trò của NHNN trong ổn định tiền tệ. | Vụ CSTT | Vụ DBTK, Vụ QLNH, Sở Giao dịch, Vụ Pháp chế, Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Tín dụng CNKT | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2025 |
| **2b.2** | | Tăng cường vai trò của NHNN trong ổn định tài chính | Vụ Ổn định TT-TC | CQTTGSNH, Vụ pháp chế, Vụ Ổn định TT-TC | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2021-2025 |
| **2b.3** | | Nâng cao năng lực điều hành của NHNN theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế. | Văn phòng | Vụ TCCB, Vụ Pháp chế, các Vụ, Cục liên quan | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **2c** | Xây dựng và ban hành cơ chế phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng và vai trò đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các TCTD, và doanh nghiệp có vốn nhà nước do NHNN làm đại diện chủ sở hữu; tăng cường công tác quản lý, giám sát phần vốn nhà nước tại các TCTD và doanh nghiệp có vốn nhà nước NHNN làm đại diện chủ sở hữu; củng cố, hoàn thiện cơ chế người đại diện phần vốn nhà nước tại các NHTM có vốn nhà nước, tăng cường trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của người đại diện, duy trì, bảo đảm cơ chế trao đổi thông tin, báo cáo, uỷ quyền phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của TCTD | | | | | |
| **2c.1** | | - Xây dựng và ban hành cơ chế phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng và vai trò đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các TCTD, và doanh nghiệp có vốn nhà nước do NHNN làm đại diện chủ sở hữu.<br>- Củng cố, hoàn thiện cơ chế người đại diện phần vốn nhà nước tại các NHTM có vốn nhà nước, tăng cường trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của người đại diện, duy trì, bảo đảm cơ chế trao đổi thông tin, báo cáo, uỷ quyền phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của TCTD | Vụ TC-KT | CQTTGSNH, Vụ Pháp chế,Vụ TCCB | Quy chế quản lý người đại diện tại TCTD đáp ứng yêu cầu nêu tại Chiến lược | 2018-2020 |
| **2c.2** | | Tăng cường công tác quản lý, giám sát phần vốn nhà nước tại các TCTD và doanh | CQTTGSNH | Vụ TC-KT, Vụ TCCB, Cục CNTT | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | nghiệp có vốn nhà nước NHNN làm đại diện chủ sở hữu | | | | |
| **2d** | Tạo bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính; trong đó chú trọng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa các dịch vụ hành chính công để tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính cho các tổ chức và cá nhân. | | Văn phòng NHNN | Cục CNTT, Vụ Truyền thông, Các Vụ, Cục liên quan | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **3. Đổi mới khuôn khổ chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối và vàng** | | | | | | |
| **3a** | Đổi mới khuôn khổ CSTT | | | | | |
| **3a.1** | | Khuôn khổ CSTT hướng đến mục tiêu ưu tiên cao nhất là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tăng tính độc lập của NHNN trong điều hành CSTT. | Vụ CSTT | Vụ DBTK, Vụ QLNH, Sở Giao dịch, Vụ Pháp chế, Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Tín dụng CNKT | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **3a.2** | | Điều hành CSTT chuyển dần từ điều hành theo khối lượng tiền sang chủ yếu điều hành theo giá; sử dụng công cụ gián tiếp, tiến tới dỡ bỏ dần các biện pháp hành chính về lãi suất khi điều kiện cho phép. Tiếp tục điều hành nghiệp vụ thị trường mở theo hướng là công cụ chủ yếu điều tiết vốn khả dụng của các TCTD, nhằm đạt được mục tiêu CSTT trong từng thời kỳ. | Vụ CSTT | Vụ DBTK, Vụ QLNH, Sở Giao dịch | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **3b** | Đổi mới khuôn khổ quản lý ngoại hối | | | | | |
| **3b .1** | | Tiếp tục thực hiện chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý, điều hành tỷ giá với mức độ linh hoạt cao hơn, bám sát diễn biến thị trường tài chính trong nước và quốc tế, đồng thời bảo đảm phù hợp với các cân đối vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT trong từng thời kỳ. | Vụ CSTT | Vụ QLNH, Vụ DBTK, Sở Giao dịch | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **3b .2** | | Tiếp tục thực hiện các biện pháp tăng tính lành mạnh, hiệu quả trong hoạt động của thị trường ngoại tệ, tăng cường sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro tỷ giá. | Vụ CSTT | Vụ QLNH, Vụ DBTK, Sở Giao dịch | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **3b.3** | | - Đổi mới công tác quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước phù hợp với thông lệ quốc tế và quy mô dự trữ ngoại hối trong từng thời kỳ, bảo đảm hài hòa các mục tiêu an toàn, thanh khoản và sinh lời. | Vụ QLNH | Vụ CSTT, Vụ DBTK, Sở Giao dịch | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2025 |
| | | - Tăng cường công tác phân tích và dự báo để xây dựng cơ cấu, tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối Nhà nước phù hợp với bối cảnh quốc tế và trong nước trong từng thời kỳ; | Vụ QLNH | Vụ CSTT, Vụ DBTK, Sở Giao dịch | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| | | - Thành lập đơn vị độc lập thuộc NHNN quản lý đầu tư dự trữ ngoại hối khi dự trữ ngoại hối đạt quy mô nhất định. | Vụ QLNH | Vụ CSTT, Vụ DBTK, Sở Giao dịch | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch… | 2018-2025 |
| **3b.4** | | Phối hợp đồng bộ các giải pháp CSTT nhằm ổn định thị trường ngoại hối, phấn đấu từng bước tăng quy mô dự trữ ngoại hối nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế. | Vụ CSTT | Vụ QLNH, Vụ DBTK, Sở Giao dịch | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **3b.5** | | Thực hiện đồng bộ các biện pháp tiến tới xóa bỏ cơ bản tình trạng đô la hóa nền kinh tế đến năm 2030. | Vụ QLNH | Vụ CSTT, Vụ DBTK, Sở Giao dịch | Đề án Hạn chế tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 | 2018-2019 |
| **3b.6** | | Hạn chế cho vay bằng ngoại tệ, chuyển dần quan hệ huy động vốn và cho vay ngoại tệ giữa TCTD với khách hàng sang quan hệ mua bán ngoại tệ để bảo đảm thanh khoản ngoại tệ và tăng dự trữ ngoại hối. | Vụ CSTT | Vụ QLNH, Vụ DBTK, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **3b.7** | | Triển khai thực hiện Đề án tự do hóa các giao dịch vốn phù hợp với lộ trình thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam đã được phê | Vụ QLNH | Vụ CSTT, Vụ DBTK, Vụ Pháp chế, CQTTGSNH, | Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Đề án | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | duyệt theo Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 11/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ. | | các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | | |
| **3c** | Đổi mới khuôn khổ quản lý thị trường vàng nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững thị trường vàng, hạn chế tình trạng vàng hóa, hỗ trợ điều hành CSTT và ổn định kinh tế vĩ mô | | Vụ QLNH | Vụ CSTT, Vụ DBTK | Đề án giải pháp hạn chế tình trạng vàng hóa trong nền kinh tế nhằm chuyển hóa nguồn lực vàng thành tiền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025. | 2018-2019 |
| **3d** | Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thống kê, phân tích dự báo, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; hoàn thiện chương trình phần mềm báo cáo thống kê, phân tích và xử lý số liệu thống kê, đảm bảo các số liệu, sản phẩm thống kê kịp thời, chính xác, phù hợp với thông lệ quốc tế, phục vụ hiệu quả cho công tác chỉ đạo, điều hành; Hoàn thiện cơ chế thu thập và chia sẻ thông tin trong nội bộ ngành Ngân hàng, cũng như với các cơ quan ngoài ngành, bảo đảm sự phối hợp chính sách giữa NHNN và Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương nhằm tạo sự đồng bộ, nhất quán giữa CSTT với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác | | | | | |
| **3d.1** | | Rà soát, hoàn thiện các quy định về báo cáo thống kê nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ xây dựng, triển khai các giải pháp chỉ đạo, điều hành, các nhiệm vụ tại Chiến lược của Vụ, Cục, Cơ quan thuộc NHNN | Vụ DBTK | Vụ CSTT, Vụ Tín dụng CNKT, Vụ Thanh toán, Vụ QLNH, Vụ HTQT, Cơ quan TTGSNH, Sở Giao dịch, Cục PH&KQ, Cục CNTT và các đơn vị liên quan | Sửa đổi hoặc ban hành mới Thông tư quy định về chế độ báo cáo thống kê | 2021-2025 |
| **3d.2** | | Hoàn thiện chương trình phần mềm báo cáo thống kê đảm bảo nâng cao tính hiệu quả, kịp thời, chính xác của số liệu thống kê phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của NHNN | Cục CNTT | Vụ DBTK, Vụ CSTT, Vụ Tín dụng CNKT, Vụ Thanh toán, Vụ QLNH, Vụ HTQT, Cơ quan TTGSNH, Sở Giao dịch, Cục PH&KQ và các đơn vị liên quan | Phần mềm báo cáo thống kê | 2018-2020 |
| **3d.3** | | Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phân tích, dự báo; thường xuyên | Vụ DBTK | Các đơn vị liên quan thuộc NHNN | Nhiệm vụ thường xuyên; báo cáo | 2021-2025 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ứng dụng và phát triển các mô hình định lượng, cập nhật và vận hành các phần mềm sử dụng trong công tác phân tích, dự báo cho phù hợp, tiệm cận với thông lệ quốc tế | | | phân tích, dự báo định kỳ | |
| **3d.4** | | Thực hiện phân quyền khai thác thông tin cho các Vụ, Cục, đơn vị thuộc NHNN để phục vụ cho công tác chuyên môn, điều hành của NHNN; xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện phân quyền cho các đơn vị (nếu có) | Vụ DBTK | Cục CNTT, Vụ CSTT, Vụ Tín dụng CNKT, Cơ quan TTGSNH, Sở GD, Cục PH&KQ, Vụ QLNH, Vụ Thanh toán và các đơn vị có liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | 2021-2025 |
| **3d.5** | | Củng cố việc thu thập thông tin để hoàn thiện cơ sở dữ liệu về kinh tế, tài chính vĩ mô phục vụ công tác tham mưu, điều hành của các đơn vị thuộc NHNN | Vụ DBTK | Các đơn vị liên quan thuộc NHNN | Nhiệm vụ thường xuyên | 2021-2025 |
| **3d.6** | | Phối hợp với các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan từng bước nâng cao chất lượng thống kê cán cân thanh toán quốc tế | Vụ DBTK | Vụ QLNH, Cục CNTT, các bộ, ngành có liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | 2021-2025 |
| **3d.7** | | Bảo đảm sự phối hợp chính sách giữa NHNN và Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương nhằm tạo sự đồng bộ, nhất quán giữa CSTT với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác | Vụ CSTT | Vụ DBTK, Vụ QLNH, Vụ Tín dụng CNKT, Viện CLNH và các đơn vị liên quan thuộc NHNN | Nhiệm vụ thường xuyên; báo cáo của Tổ điều phối 9078 của NHNN | 2021-2025 |
| **3đ** | Phát triển thị trường tiền tệ ổn định, minh bạch, phù hợp với định hướng và lộ trình tái cơ cấu lại thị trường tài chính bảo đảm cơ cấu thị trường phù hợp, hài hòa với thị trường vốn và thị trường bảo hiểm. | | | | | |
| **3đ.1** | | Minh bạch hóa thông tin công bố trên thị trường tiền tệ để cải thiện lòng tin của nhà đầu tư và người gửi tiền; xây dựng hệ thống thông tin quản lý hoạt động thị trường tiền tệ liên ngân hàng để hỗ trợ điều hành của NHNN và nhu cầu của các TCTD | Sở Giao dịch | Vụ DBTK, Vụ CSTT, QLNH, Cục CNTT, Vụ truyền thông, CQTTGSNH, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | - Cơ chế, chính sách về minh bạch hóa thông tin công bố trên thị trường tiền tệ để cải thiện lòng tin của nhà đầu tư và người gửi tiền (trên cơ sở rà soát | 2019-2021 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | quy định hiện hành để bổ sung, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới).<br>- Thực hiện chế độ công bố thông tin theo cơ chế, chính sách đã ban hành<br><br>- Hệ thống thông tin quản lý hoạt động thị trường tiền tệ liên ngân hàng để hỗ trợ điều hành của NHNN và nhu cầu của các TCTD | - Thường xuyên, theo quy định tại cơ chế, chính sách.<br><br>2019-2021 |
| **3đ.2** | | Nâng cao chất lượng báo cáo tài chính và báo cáo thường niên của các TCTD, trong đó đảm bảo đầy đủ, chính xác, bao gồm cả các thông tin phi tài chính như cơ cấu sở hữu, hoạt động quản trị điều hành. | Các TCTD | Vụ CSTT, Sở Giao dịch, Vụ Thanh toán, CQTTGSNH và các đơn vị có liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **4. Phát triển, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế** | | | | | | |
| **4a** | Cấu trúc lại hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng theo hướng tập trung, hiện đại, đóng vai trò là hệ thống thanh toán xương sống quốc gia, thực hiện vai trò trung tâm thanh toán của NHNN, phục vụ cho hệ thống thanh toán giá trị cao, thanh toán đa tệ liên ngân hàng… và kết nối được với các hệ thống thanh toán khác trong nền kinh tế | | Cục CNTT | Vụ Thanh toán, NAPAS, Sở Giao dịch | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2025 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **4b** | Xây dựng và phát triển Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử tự động cho các giao dịch thanh toán bán lẻ, giao dịch thẻ để cung ứng dịch vụ chuyển mạch và bù trừ điện tử qua các phương tiện thanh toán, các dịch vụ thanh toán và các kênh thanh toán khác nhau, thực hiện thanh toán theo lô và theo thời gian thực, hoạt động 24/7, phục vụ cho nhiều đối tượng khác nhau | | Vụ Thanh toán | Cục CNTT, NAPAS, Sở Giao dịch và các đơn vị có liên quan | Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử tự động | 2018-2019 |
| **4c** | Hoàn thiện hệ thống thanh toán nội bộ của các ngân hàng đảm bảo kết nối thông suốt và tự động hóa khi kết nối với Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử tự động cho các giao dịch thanh toán bán lẻ và Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN Việt Nam nhằm phục vụ nhu cầu thanh toán của nhiều đối tượng như các TCTD, doanh nghiệp, cá nhân, cơ quan Chính phủ | | Các NHTM | Vụ Thanh toán, Cục CNTT, CQTTGSNH, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố | Hệ thống thanh toán nội bộ đáp ứng yêu cầu đề ra tại Chiến lược | 2018-2019 |
| **4d** | Hoàn thiện chức năng giám sát của NHNN đối với các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế, phù hợp các chuẩn mực giám sát theo các nguyên tắc do Ngân hàng Thanh toán quốc tế BIS và Tổ chức Quốc tế Các Ủy ban chứng khoán (IOSCO) xây dựng, bảo đảm các hệ thống thanh toán quốc gia hoạt động an toàn, hiệu quả và thông suốt; Giám sát hiệu quả các hoạt động thanh toán xuyên biên giới, thanh toán quốc tế; Giám sát việc cung ứng các phương tiện, dịch vụ thanh toán mới; Triển khai nghiên cứu và xây dựng Chiến lược phát triển các hệ thống thanh toán và quyết toán đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | | | | | |
| **4d.1** | | Hoàn thiện chức năng giám sát của NHNN đối với các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế, phù hợp các chuẩn mực giám sát theo các nguyên tắc do Ngân hàng Thanh toán quốc tế BIS và Tổ chức Quốc tế Các Ủy ban chứng khoán (IOSCO) xây dựng, bảo đảm các hệ thống thanh toán | Vụ thanh toán | Cục CNTT, NAPAS, Sở Giao dịch, Vụ Ổn định TT-TC và các đơn vị có liên quan | Các cơ chế, chính sách liên quan | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | quốc gia hoạt động an toàn, hiệu quả và thông suốt | | | | |
| **4d.2** | | Giám sát hiệu quả các hoạt động thanh toán xuyên biên giới, thanh toán quốc tế | Vụ QLNH | Vụ Thanh toán, CQTTGSNH, Sở giao dịch và các đơn vị có liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| | | Giám sát việc cung ứng các phương tiện, dịch vụ thanh toán mới | Vụ thanh toán | Cục CNTT, NAPAS, CQTTGSNH và các đơn vị có liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **4d.3** | | Triển khai nghiên cứu và xây dựng Chiến lược phát triển các hệ thống thanh toán và quyết toán đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | Vụ thanh toán | Viện CLNH, Cục CNTT, NAPAS, Sở Giao dịch và các đơn vị có liên quan | Chiến lược phát triển các hệ thống thanh toán và quyết toán đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 2019-2025 |
| **4đ** | Xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | | NAPAS | Vụ Thanh toán, Vụ Pháp chế, Cục CNTT, Sở Giao dịch, Viện CLNH và các đơn vị có liên quan. | Chiến lược phát triển Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 2018-2020 |
| **5. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hệ thống thanh tra, giám sát ngân hàng, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế** | | | | | | |
| **5a** | Hoàn thiện mô hình tổ chức CQTTGSNH phù hợp với lộ trình đổi mới mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của NHNN | | | | | |
| **5a.1** | | Hoàn thiện, đổi mới mô hình tổ chức thanh tra giám sát ngân hàng theo hướng: Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất về hoạt động thanh tra, giám sát của CQTTGSNH tới các đơn vị thanh tra giám sát ngân hàng tại địa phương, tránh tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ. | Vụ TCCB | CQTTGSNH, Vụ Pháp chế, NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2014/NĐ-CP và thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg và các văn bản liên quan | 2018-2019 |
| **5a.2** | | Xây dựng cơ chế phân cấp, phân quyền, phân định trách nhiệm rõ ràng, minh bạch, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, quy trình | CQTTGSNH | Vụ TCCB, Vụ Pháp chế, NHNN Chi nhánh tỉnh, thành | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai | 2018-2020 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | báo cáo, chỉ đạo điều hành trong nội bộ của CQTTGSNH cũng như giữa CQTTGSNH với các đơn vị thuộc NHNN. | | phố, các Vụ, Cục liên quan thuộc NHNN | thực hiện | |
| **5a.3** | | Hình thành đơn vị thuộc CQTTGSNH chịu trách nhiệm quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động của các TCTD có tầm quan trọng hệ thống và đơn vị chuyên trách tham mưu cho Thống đốc NHNN trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của hệ thống TCTD là hợp tác xã. | Vụ TCCB | CQTTGSNH, Vụ Pháp chế | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2014/NĐ-CP và thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg và các văn bản liên quan | 2018-2020 |
| **5a.4** | | Tăng cường sự phối hợp công tác, chia sẻ thông tin giữa CQTTGSNH và các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan chức năng trong hoạt động thanh tra, giám sát hệ thống tài chính. | CQTTGSNH | Vụ Ổn định TT-TC, Vụ Pháp chế | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2025 |
| **5b** | Đổi mới phương pháp thanh tra, giám sát | | | | | |
| **5b.1** | | Tiếp tục đổi mới công tác thanh tra theo hướng: chuyển nhanh và mạnh từ thanh tra tuân thủ sang thanh tra trên cơ sở rủi ro, gắn kết chặt chẽ với giám sát trên cơ sở rủi ro, từng bước áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tăng cường thanh tra toàn diện, pháp nhân TCTD. | CQTTGSNH | NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch… và việc triển khai thực hiện | Hàng năm |
| **5b.2** | | Tiếp tục đổi mới công tác giám sát theo hướng: nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát an toàn vi mô và giám sát an toàn vĩ mô trên cơ sở triển khai các công cụ, phương pháp giám sát rủi ro mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. | CQTTGSNH | Vụ Ổn định TT-TC, Cục CNTT, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Xây dựng tiêu chí, ngưỡng giám sát từng loại hình TCTD, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, các công cụ, phần mềm, chương trình phân tích dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5b.3 | | Nâng cao khả năng cảnh báo sớm của NHNN đối với những rủi ro tiềm ẩn mang tính hệ thống và ngăn ngừa nguy cơ vi phạm pháp luật ngành Ngân hàng của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | CQTTGSNH | Vụ Ổn định TT-TC, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Xây dựng phương pháp, ngưỡng cảnh báo sớm đối với các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoà | Hàng năm |
| 5b.4 | | Phối hợp chặt chẽ giữa công tác giám sát với công tác thanh tra, cấp phép và ban hành chế độ, chính sách. | CQTTGSNH | Vụ Pháp chế | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| 5c | Tăng cường đầu tư công nghệ hỗ trợ công tác thanh tra, giám sát ngân hàng | | CQTTGSNH | Cục CNTT | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch... và việc triển khai thực hiện | Hàng năm |
| 5d | Xây dựng cơ chế kiểm soát cán bộ đồng thời với cơ chế bảo vệ cán bộ phù hợp, hạn chế rủi ro pháp lý cho cán bộ, công chức làm công tác thanh tra, giám sát trong ngành Ngân hàng. | | Vụ TCCB | Vụ Pháp chế, CQTTGS | Cơ chế, chính sách liên quan | 2019-2020 |
| 5đ | Tăng cường chất lượng thanh tra, giám sát các tập đoàn tài chính dưới hình thức công ty mẹ - con, trong đó công ty mẹ là TCTD; kiểm soát tính liên thông giữa các TCTD với các định chế tài chính thuộc phạm vi thanh tra, giám sát của NHNN | | CQTTGSNH | Vụ Pháp chế, Vụ Ổn định TT-TC | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch... và việc triển khai thực hiện | Hàng năm |
| **6. Phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng** | | | | | | |
| 6a | Đa dạng hóa các kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng | | | | | |
| 6a.1 | | Đẩy mạnh phát triển các kênh giao dịch ngân hàng hiện đại và các hình thức thanh toán mới, hiện đại | Các TCTD | Vụ Thanh toán và các Vụ, Cục liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **6a.2** | | Tiếp tục phát triển, sắp xếp hợp lý mạng lưới ATM và POS trên toàn quốc đảm bảo hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường; khuyến khích các ngân hàng, tổ chức khác đầu tư và mở rộng mạng lưới ATM tới khu vực nông thôn, khó tiếp cận các điểm giao dịch của ngân hàng; nghiên cứu ứng dụng một số loại máy ATM tính năng hiện đại | Các TCTD | Vụ Thanh toán, Cục CNTT, NAPAS, CQTTGSNH, Viện CLNH, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Kết quả triển khai Kế hoạch số 10/KH-NHNN ngày 25/9/2017 về Kế hoạch phát triển thanh toán thẻ ngân hàng qua thiết bị chấp nhận thẻ giai đoạn 2017-2020 | 2018-2020 |
| **6a.3** | | Khuyến khích hợp tác trong mối quan hệ cạnh tranh lành mạnh giữa ngân hàng và tổ chức công nghệ tài chính (Fintech), các tổ chức phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, hệ thống QTDND để phát triển mạng lưới đại lý cho ngân hàng với chi phí thấp; Tạo môi trường pháp lý thích hợp cho việc phát triển các tổ chức công nghệ tài chính an toàn, hiệu quả | Vụ Thanh toán | Cục CNTT, CQTTGSNH, Viện CLNH, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2019 |
| **6a.4** | | Ban hành chuẩn kết nối giữa các TCTD với nhau và giữa các TCTD với các tổ chức công nghệ tài chính | Cục CNTT | Vụ Thanh toán, NAPAS và các đơn vị có liên quan | Quy định về chuẩn kết nối giữa các TCTD với nhau và giữa các TCTD với các tổ chức công nghệ tài chính | 2018-2020 |
| **6b** | Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng | | | | | |
| **6b.1** | | Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ theo hướng: cải thiện thái độ phục vụ; đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiết giảm thời gian, chi phí, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. | Các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Cục CNTT, CQTTGSNH, Viện CLNH, Vụ Thanh toán | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **6b.2** | | Chú trọng phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ | Các TCTD và chi nhánh | Vụ Thanh toán, Cục CNTT, | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | thông tin hiện đại, có khả năng đáp ứng nhu cầu của các đối tượng chưa được hoặc ít được ngân hàng phục vụ. | ngân hàng nước ngoài | CQTTGSNH, Viện CLNH, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | | |
| 6b.3 | | Phát triển các sản phẩm tài chính vi mô linh hoạt, có cấu trúc đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với nhu cầu đại bộ phận người dân, đặc biệt là người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. | Các Tổ chức TCVM | CQTTGSNH, Viện CLNH, Vụ CSTT, Vụ Tín dụng CNKT | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| 6b.4 | | Phát triển các sản phẩm, dịch vụ cho tín dụng thương mại, tín dụng cho doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị. | Vụ Tín dụng CNKT | Các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Vụ CSTT, Viện CLNH, CQTTGSNH | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| 6b.5 | | Phát triển nhiều dịch vụ gia tăng trên kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng từ thẻ ngân hàng; Xây dựng chuẩn thẻ chip nội địa và triển khai kế hoạch chuyển đổi từ thẻ từ sang thẻ chip tại Việt Nam với lộ trình thích hợp nhằm bảo đảm an ninh, an toàn trong thanh toán thẻ, tạo thuận lợi kết nối với các hệ thống thanh toán khác. | Vụ Thanh toán | Các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, CQTTGSNH, Viện CLNH, NAPAS. | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| 6b.6 | | Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển mạnh các phương thức thanh toán điện tử như ngân hàng trực tuyến, thanh toán qua Internet, điện thoại di động, thanh toán không tiếp xúc và chấp nhận thanh toán không tiếp xúc, thanh toán không tiếp xúc trên di động, thanh toán qua QR Code, Tokenization...; Áp dụng các biện pháp an ninh, tiêu chuẩn bảo mật mới, tiên tiến phù hợp với xu hướng thanh toán trên thế giới, đảm bảo thanh toán nhanh chóng, an ninh an toàn, tiện lợi và có chi phí hợp lý. | TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | NAPAS, Vụ Thanh toán, CQTTGSNH, Viện CLNH | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| 6c | Phát triển thanh toán điện tử phục vụ thương mại điện tử | | Vụ Thanh toán | Cục CNTT, NAPAS, các TCTD | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | theo hướng hoàn thiện, tăng cường kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của hệ thống ngân hàng với hạ tầng thanh toán của các đơn vị trung gian thanh toán để đáp ứng tốt hơn yêu cầu thanh toán điện tử trong thương mại điện tử, tại các điểm bán lẻ và thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ trực tuyến. | | | và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | | |
| **6d** | Xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện | | Viện CLNH | Vụ HTQT, Vụ Thanh toán và các đơn vị có liên quan | Quyết định của Thủ tướng ban hành Chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện | 2020 |
| **6đ** | Triển khai hoạt động ngân hàng xanh thông qua việc gia tăng nhận thức và trách nhiệm đối với môi trường và xã hội của ngành Ngân hàng trong kinh doanh; tăng cường năng lực các TCTD để phát triển sản phẩm huy động và cho vay vốn tín dụng vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các bon để góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng | | | | | |
| **6đ.1** | | Triển khai hoạt động ngân hàng xanh thông qua việc gia tăng nhận thức và trách nhiệm đối với môi trường và xã hội của ngành Ngân hàng trong kinh doanh. | Vụ Tín dụng CNKT | Viện CLNH, Vụ Truyền thông và các đơn vị liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **6đ.2** | | Tăng cường năng lực các TCTD để phát triển sản phẩm huy động và cho vay vốn tín dụng vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các bon để góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng. | TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Vụ Tín dụng CNKT, Viện CLNH, CQTTGSNH | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **6đ.3** | | Triển khai đề án Ngân hàng xanh tại Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 7/8/2018 của Thống đốc NHNN. | Viện CLNH | Vụ Tín dụng CNKT, Cục CNTT, CQTTGSNH, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Nhiệm vụ thường xuyên | 2018-2025 |
| **7. Phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế** | | | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **7a** | Đối với các NHTM, các TCTD phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty tài chính tiêu dùng và công ty cho thuê tài chính) | | | | | |
| **7a.1** | | Lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính. Tăng vốn và cải thiện chất lượng nguồn vốn tự có của các NHTM và các TCTD phi ngân hàng, bảo đảm mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế; Tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp kiểm soát chất lượng tín dụng, giảm nợ xấu, nâng cao chất lượng tài sản. | Các NHTM, các TCTD phi ngân hàng | CQTTGSNH, các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố | Chiến lược phát triển/Kế hoạch hành động… của từng TCTD và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **7a.2** | | Chuyển đổi mô hình kinh doanh của các NHTM theo hướng từ "độc canh tín dụng" sang mô hình đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng phi tín dụng; nâng cao tính chuyên môn, chuyên nghiệp trong cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử; gia tăng xuất khẩu dịch vụ tài chính. | Các NHTM | CQTTGSNH, các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố | Chiến lược phát triển/Kế hoạch hành động… của từng TCTD và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **7a.3** | | Tiếp tục tiến hành rà soát, củng cố các hoạt động kinh doanh chính; Thoái vốn đầu tư ngoài ngành, lĩnh vực phi tài chính, nhiều rủi ro; Cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên nhằm góp phần cơ cấu lại nền kinh tế. | Các NHTM | CQTTGSNH. các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố | Chiến lược phát triển/Kế hoạch hành động… của từng TCTD và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **7a.4** | | Nâng cao năng lực quản trị, điều hành, tính minh bạch trong hoạt động của TCTD: Hoàn thiện, áp dụng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel và lộ trình áp dụng Basel II tại Việt Nam; Hoàn thiện và áp dụng các quy định về quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế; Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh ngân hàng có trình độ chuyên môn cao, ý thức tuân thủ pháp luật, có đạo đức và tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp tốt; Đa dạng hóa cơ cấu cổ đông; Yêu cầu các TCTD công | Các NHTM, các TCTD phi ngân hàng | CQTTGSNH, các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố | Chiến lược phát triển/Kế hoạch hành động… của từng TCTD và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | bố công khai, minh bạch, chính xác thông tin về chiến lược kinh doanh, sở hữu, tình hình tài chính, cơ cấu quản lý, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế. | | | | |
| **7a.5** | | Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống thanh toán nội bộ của các NHTM; Nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp hoạt động và yêu cầu quản trị, điều hành của TCTD; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý, phân tích và phòng ngừa rủi ro; đồng thời đầu tư và có giải pháp phù hợp đảm bảo an ninh công nghệ thông tin. | Các NHTM, các TCTD phi ngân hàng | CQTTGSNH, Cục CNTT, Vụ Thanh toán, các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố | Chiến lược phát triển/Kế hoạch hành động... của từng TCTD và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **7a.6** | | Các NHTM Nhà nước đóng vai trò là lực lượng chủ lực, chủ đạo về quy mô, thị phần, khả năng điều tiết thị trường; Đi đầu trong việc áp dụng công nghệ ngân hàng hiện đại, năng lực quản trị tiên tiến, chủ động hội nhập quốc tế; Tích cực tham gia cơ cấu lại các TCTD yếu kém theo chỉ đạo của NHNN. | Các NHTM Nhà nước | CQTTGSNH | Chiến lược phát triển/Kế hoạch hành động... của từng TCTD và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **7a.7** | | Tăng vốn điều lệ để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực Basel II, bảo đảm vai trò chi phối của Nhà nước trong các NHTM Nhà nước, trong đó Nhà nước nắm giữ ở mức tối thiểu 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Lựa chọn cổ đông chiến lược có uy tín trên thị trường, có năng lực tài chính, kinh nghiệm quản trị; Chuẩn bị các điều kiện tiền đề, tiến tới niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài | Các NHTM Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) | CQTTGSNH | - Phương án tăng vốn điều lệ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt<br>- Chiến lược phát triển/Kế hoạch hành động... của từng TCTD và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **7a.8** | | Giữ vai trò chủ đạo trong lĩnh vực tín dụng nông nghiệp, nông thôn; Cơ cấu lại theo mô hình NHTM đa năng; Triển khai cổ phần hóa vào thời điểm thích hợp và bảo đảm Nhà nước nắm giữ tối thiểu 65% vốn điều lệ. | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam | CQTTGSNH | - Phương án tăng vốn điều lệ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt<br>- Chiến lược phát triển/Kế hoạch | 2018-2020 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | hành động... của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và việc triển khai thực hiện | |
| **7a.9** | | Tiếp tục củng cố, chấn chỉnh, cơ cấu lại các ngân hàng TMCP, các TCTD phi ngân hàng để lành mạnh hóa, nâng cao năng lực tài chính cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả, bảo đảm an toàn hệ thống; hoạt động kinh doanh theo cơ chế thị trường, công khai, minh bạch, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực về quản trị và an toàn hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và tiệm cận với thông lệ quốc tế. | Các ngân hàng TMCP và TCTD phi ngân hàng | CQTTGSNH | Nhiệm vụ thường xuyên | 2018-2020 |
| **7a.10** | | Khuyến khích và tạo điều kiện để các TCTD lành mạnh hoặc các nhà đầu tư tiềm năng nước ngoài tham gia cơ cấu lại các ngân hàng TMCP, các TCTD phi ngân hàng yếu kém; thúc đẩy việc mua bán, sáp nhập trên cơ sở tự nguyện của các TCTD để hình thành các định chế có quy mô lớn và quản trị tốt hơn. | CQTTGSNH | | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **7a.11** | | Tiếp tục tạo điều kiện cho các TCTD nước ngoài hoạt động kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng với các TCTD Việt Nam; Khuyến khích các TCTD nước ngoài tham gia hỗ trợ và xử lý các vấn đề khó khăn, yếu kém của các TCTD trong nước; Khuyến khích các TCTD nước ngoài đi đầu trong việc phát triển và áp dụng các công nghệ hiện đại, đưa các sản phẩm, dịch vụ mới tới thị trường Việt Nam; Hỗ trợ các TCTD trong nước trong việc tiếp cận với các quy trình, sản phẩm, công nghệ mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng về sản phẩm và dịch vụ của khách hàng. | CQTTGSNH | Các TCTD nước ngoài, các Vụ, Cục liên quan thuộc NHNN | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **7a.12** | | Tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế | Các NHTM, | CQTTGSNH | Nhiệm vụ thường | 2021- |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | trong quản trị và hoạt động của các TCTD ở mức cao hơn; Tiếp tục hoàn thiện và triển khai các chính sách và quy trình nội bộ lành mạnh; Rà soát, đánh giá, bổ sung, chỉnh sửa các phương thức quản trị, điều hành tiên tiến dựa trên các chuẩn mực, thông lệ quốc tế và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. | các TCTD phi ngân hàng | | xuyên | 2025 |
| **7a.13** | | Tổng kết việc triển khai thực hiện Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn; áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao. | Các NHTM | CQTTGSNH | - Báo cáo tổng kết.<br>- Lộ trình áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao. | 2021-2025 |
| **7a.14** | | Tiếp tục hiện đại hóa hệ thống công nghệ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý, phân tích và phòng ngừa rủi ro; tiếp tục đầu tư và có giải pháp phù hợp đảm bảo an ninh công nghệ thông tin. | Các NHTM, các TCTD phi ngân hàng | CQTTGSNH, cục CNTT | Nhiệm vụ thường xuyên | 2021-2025 |
| **7a.15** | | Tiếp tục áp dụng các biện pháp đa dạng hóa cơ cấu cổ đông, tạo điều kiện hình thành các ngân hàng lớn, có tầm quan trọng trong hệ thống và khu vực. | Các ngân hàng TMCP, các TCTD phi ngân hàng cổ phần | CQTTGSNH | Nhiệm vụ thường xuyên | 2021-2025 |
| **7a.16** | | Các TCTD chủ động xây dựng, điều chỉnh Chiến lược kinh doanh phù hợp với giai đoạn mới; trong đó hoạch định chiến lược phát triển dịch vụ rõ ràng, chú trọng phát triển các kênh cung ứng dịch vụ hiện đại, ứng dụng công nghệ số; đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng, phát triển mạnh các kênh dịch vụ phi tín dụng nhằm tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng và cam kết tham gia tích cực, hiệu quả vào việc thực thi tài chính toàn diện. | Các NHTM, các TCTD phi ngân hàng | CQTTGSNH và các Vụ, Cục liên quan | Chiến lược kinh doanh và việc triển khai thực hiện | 2021-2025 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7a.17 | | Các NHTM Nhà nước tiếp tục đóng vai trò là lực lượng chủ lực, chủ đạo về quy mô, thị phần, khả năng điều tiết thị trường; đi đầu trong việc triển khai và áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao và hội nhập quốc tế; đảm bảo tỷ lệ sở hữu Nhà nước ở mức 51%; Thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài (riêng đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, thực hiện niêm yết cổ phiếu của trên thị trường chứng khoán trong nước). | Các NHTM Nhà nước | CQTTGSNH | Chiến lược phát triển/Kế hoạch hành động… của từng NHTM Nhà nước và việc triển khai thực hiện | 2021-2025 |
| 7a.18 | | Các ngân hàng TMCP đảm bảo các điều kiện về vốn, cơ sở dữ liệu và nguồn nhân lực để áp dụng đầy đủ Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn. | Các ngân hàng TMCP | CQTTGSNH | Chiến lược phát triển/Kế hoạch hành động… của từng ngân hàng TMCP và việc triển khai thực hiện | 2021-2025 |
| 7a.19 | | Lựa chọn ngân hàng TMCP đã hoàn thành áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn và có chất lượng quản trị tốt để áp dụng thí điểm Basel II theo phương pháp nâng cao. | CQTTGSNH | Các ngân hàng TMCP liên quan | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch… thí điểm | 2021-2025 |
| 7a.20 | | Khuyến khích ngân hàng TMCP đủ điều kiện thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài. | CQTTGSNH | Các ngân hàng TMCP | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2021-2025 |
| 7a.21 | | Phát triển đa dạng các loại hình TCTD phi ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn của Việt Nam. | CQTTGSNH | Các Vụ, Cục liên quan | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2021-2025 |
| 7a.22 | | Các TCTD nước ngoài tiếp tục tiên phong trong phát triển dịch vụ ngân hàng, tạo môi trường cạnh tranh, góp phần thúc đẩy để các TCTD trong nước phát triển. | TCTD nước ngoài | CQTTGSNH và các Vụ, Cục liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | 2021-2025 |
| 7b | Đối với loại hình TCTD là hợp tác xã và các tổ chức tài chính vi mô | | | | | |
| 7b.1 | | Nâng cao vai trò và trách nhiệm của Ngân | Ngân hàng | CQTTGSNH, Bảo | Nhiệm vụ thường | 2018- |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | hàng HTX trong điều hòa vốn, kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ khoản vay của khách hàng; hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ ngân hàng, công nghệ thông tin, hỗ trợ hoạt động ngân hàng đối với QTDND thành viên; tham gia xử lý đối với QTDND thành viên gặp khó khăn hoặc có dấu hiệu mất an toàn trong hoạt động. | HTX | hiểm tiền gửi Việt Nam và các đơn vị có liên quan | xuyên | 2020 |
| **7b.2** | | Tiếp tục chấn chỉnh, củng cố toàn diện về tài chính, quản trị và hoạt động của QTDND hiện có đi đôi với mở rộng vững chắc các QTDND mới ở khu vực nông thôn; Phạm vi hoạt động chủ yếu của QTDND là huy động vốn và cho vay các thành viên trên địa bàn, đặc biệt là ở khu vực nông thôn nhằm huy động các nguồn lực tại chỗ để góp phần phát triển kinh tế địa phương, xóa đói, giảm nghèo và đẩy lùi cho vay nặng lãi; Bảo đảm QTDND hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động và nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên; QTDND phải hoạt động và tuân thủ theo đúng quy định của Luật các TCTD và Luật Hợp tác xã. | CQTTGSNH | Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố, QTDND | Nhiệm vụ thường xuyên | 2018-2020 |
| **7b.3** | | Xây dựng và triển khai Đề án củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. | CQTTGSNH | Ngân hàng HTX, Hiệp hội QTDND, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | Quyết định ban hành Đề án củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 | 2018-2019 |
| **7b.4** | | Củng cố kiện toàn tổ chức và hoạt động của Hiệp hội QTDND nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng đầu mối liên kết hệ thống QTDND, đại diện quyền lợi và định hướng phát triển chung cho các QTDND; Đồng thời phối hợp với Ngân hàng HTX triển khai công | Hiệp hội QTDND | Ngân hàng HTX, CQTTGSNH, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các đơn vị có liên quan | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch... và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | tác đào tạo cán bộ QTDND và thành lập Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các QTDND theo quy định của pháp luật. | | | | |
| 7b.5 | | Phối hợp với Ngân hàng HTX triển khai công tác đào tạo cán bộ QTDND và thành lập Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các QTDND theo quy định của pháp luật. | Hiệp hội QTDND | Ngân hàng HTX, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các đơn vị có liên quan | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch... và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| 7b.6 | | Hoàn thiện việc xây dựng Ngân hàng HTX thành Ngân hàng của tất cả các QTDND nhằm mục tiêu chủ yếu là liên kết, đảm bảo an toàn của hệ thống qua việc hỗ trợ tài chính và giám sát hoạt động của các QTDND; Hoạt động chủ yếu là điều hòa vốn, thực hiện các hoạt động ngân hàng và quản lý vận hành Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống đối với thành viên là các QTDND. | Ngân hàng HTX | CQTTGSNH, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các đơn vị liên quan | Chiến lược phát triển/ Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch... và việc triển khai thực hiện | 2021-2025 |
| 7b.7 | | Nghiên cứu, xây dựng Trung tâm thẩm định tín dụng độc lập nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng tín dụng của các QTDND thành viên. | Ngân hàng HTX | CQTTGSNH, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các đơn vị có liên quan | Trung tâm thẩm định tín dụng độc lập | 2021-2025 |
| 7b.8 | | Tiếp tục áp dụng các giải pháp đảm bảo các QTDND hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích và nguyên tắc của loại hình TCTD là hợp tác xã để phục vụ tốt hơn cho các thành viên; tập trung vào mục tiêu hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống của thành viên, phục vụ cộng đồng trên địa bàn; Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu, bộ máy quản trị điều hành, đầu tư cơ sở vật chất, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, đa dạng hóa và hiện đại hóa các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với thông lệ quốc tế và đặc thù của loại hình TCTD là hợp tác xã để phục vụ tốt hơn cho các thành viên. | QTDND | NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố, CQTTGSNH, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | Đề án củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và việc triển khai thực hiện | 2021-2025 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **7b.9** | | Nghiên cứu thiết lập mối liên kết giữa các QTDND ngành nghề với các QTDND khác và với Ngân hàng HTX. | CQTTGSNH | Ngân hàng HTX, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam QTDND và các đơn vị có liên quan | Cơ chế thiết lập mối liên kết | 2021-2025 |
| **7b.10** | | Hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Hiệp hội QTDND để phối hợp với Ngân hàng HTX thực hiện tốt chức năng đầu mối liên kết của hệ thống TCTD là hợp tác xã đối với các QTDND hội viên; Hỗ trợ và bảo đảm cho hệ thống QTDND hoạt động ổn định, phát triển an toàn và bền vững. | Hiệp hội QTDND | Ngân hàng HTX, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, CQTTGSNH và các đơn vị có liên quan | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch... và việc triển khai thực hiện | Hàng năm |
| **7b.11** | | Xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô an toàn, vững mạnh theo định hướng thị trường; Đảm bảo sự tiếp cận dịch vụ tài chính có chất lượng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, các hộ gia đình nghèo và người có thu nhập thấp; tăng cường cơ hội phát triển kinh tế cho người dân; Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững. | CQTTGSNH | Vụ Pháp chế, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các đơn vị có liên quan, các tổ chức TCVM | Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch... và việc triển khai thực hiện | 2018-2025 |
| **7b.12** | | Triển khai đồng bộ Đề án "Xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến hết năm 2020" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2195/QĐ-TTg ngày 06/12/2011. | CQTTGSNH | Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Các đơn vị liên quan | Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Đề án | 2018-2020 |
| **7b.13** | | Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô và các chương trình, dự án tài chính vi mô, đồng thời có cơ chế quản lý, giám sát phù hợp với đặc thù hoạt động tài chính vi mô; Xây dựng các chính sách đặc thù để tạo điều kiện liên kết hoạt động của các loại hình TCTD với hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô. | CQTTGSNH | Vụ pháp chế, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các đơn vị có liên quan | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **7b.14** | | Khuyến khích, tăng số lượng các tổ chức tài chính vi mô để gia tăng khả năng tiếp cận dịch vụ khách hàng, hỗ trợ việc triển khai | CQTTGSNH | Viện CLNH, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các đơn vị | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai | 2021-2025 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện. | | có liên quan | thực hiện | |
| **8. Hoàn thiện mô hình các tổ chức tài chính khác hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng** | | | | | | |
| **8a** | Ngân hàng CSXH | | | | | |
| **8a.1** | | Tập trung thống nhất chức năng tín dụng chính sách từ các NHTM sang Ngân hàng CSXH; Phát triển Ngân hàng CSXH thành tổ chức có khả năng tự chủ và phát triển ổn định lâu dài, đồng thời duy trì được vai trò là định chế tài chính công thực hiện các chính sách xã hội của Chính phủ; tập trung vào những lĩnh vực mà các tổ chức tài chính hoạt động theo nguyên tắc thị trường không thể đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng được một phần. | Ngân hàng CSXH | CQTTGSNH và các Vụ, Cục liên quan | Chiến lược phát triển Ngân hàng CSXH và việc triển khai thực hiện | Các giai đoạn 2018-2020, 2021-2030 |
| **8a.2** | | Tổ chức thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển Ngân hàng CSXH giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 852/QĐ-TTg ngày 10/7/2012. | Ngân hàng CSXH | Các đơn vị liên quan | Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược | 2018-2020 |
| **8a.3** | | Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Ngân hàng CSXH giai đoạn 2011-2020, nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. | Ngân hàng CSXH | CQTTGSNH, Viện CLNH và các đơn vị có liên quan | Chiến lược phát triển Ngân hàng CSXH giai đoạn 2021-2030 | 2021 |
| **8b** | VAMC | | | | | |
| **8b.1** | | Phát triển VAMC thực sự trở thành trung tâm trong hoạt động xử lý nợ xấu gắn với cơ cấu lại hệ thống các TCTD, thúc đẩy sự phát triển của thị trường mua bán nợ, đảm bảo sự phát triển an toàn, bền vững của các TCTD, có đủ năng lực và nguồn lực để thực hiện chức năng và nhiệm vụ mua, bán và xử lý nợ xấu, định giá, đấu giá tài sản. | VAMC | CQTTGSNH, Vụ TCCB, các Vụ, Cục liên quan và các TCTD | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **8b.2** | | Chiến lược phát triển VAMC đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | VAMC | CQTTGSNH, và các đơn vị có liên quan | Chiến lược phát triển VAMC đến năm 2025, định | 2018-2019 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | hướng đến năm 2030 | |
| **8c** | Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | | | | | |
| **8c.1** | | Phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, NHNN Việt Nam là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thực hiện mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. Xây dựng Chiến lược phát triển Bảo hiểm tiền gửi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | CQTTGSNH,Vụ TCCB, Vụ Pháp chế, Viện CLNH, Vụ Tài chính- kế toán | Chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi và việc triển khai thực hiện | 2018-2025 |
| **8c.2** | | Tăng cường năng lực tài chính, nâng cao năng lực hoạt động, hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao trình độ cán bộ, áp dụng công nghệ hiện đại nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, tham gia kiểm soát đặc biệt, phát hiện, cảnh báo sớm những rủi ro tiềm ẩn đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. | Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | CQTTGSNH | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **8c.3** | | Tham gia cơ cấu lại có hiệu quả đối với các TCTD yếu kém. | Bảo hiểm tiền gửi | CQTTGSNH | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **8c.4** | | Tính và thu phí bảo hiểm tiền gửi, quản lý nguồn vốn đầu tư, tuyên truyền chính sách bảo hiểm tiền gửi, chi trả bảo hiểm theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế và các quy định của pháp luật Việt Nam | Bảo hiểm tiền gửi | Vụ Tài chính – Kế toán | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9. Tăng cường ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực của ngành Ngân hàng** | | | | | | |
| **9a** | Tiếp cận ứng dụng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong định hướng đổi mới hoạt động của ngành Ngân hàng | | | | | |
| **9a.1** | | Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới và ứng dụng các công nghệ hiện đại thông qua việc tăng cường tích hợp công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước của NHNN. | Cục CNTT | Các đơn vị liên quan thuộc NHNN, các TCTD | Kế hoạch ứng dụng CNTT ngành ngân hàng giai đoạn 2021-2025 | 2019 |
| **9a.2** | | Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới và ứng dụng các | Các TCTD | Cục CNTT, | Nhiệm vụ thường | Hàng |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | công nghệ hiện đại. thông qua việc tăng cường tích hợp công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của các TCTD. | | CQTTGSNH và các Vụ, Cục liên quan | xuyên | năm |
| **9a.3** | | Tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn đối với hệ thống các TCTD, trong đó, tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng trung tâm Dự phòng dữ liệu (Disaster Recovery) | Các TCTD | Cục CNTT chỉ đạo các TCTD thực hiện | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9a.4** | | Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. | Cục CNTT | NAPAS, Vụ Thanh toán | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9a.5** | | Tăng cường các quy định và biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong lĩnh vực thanh toán thẻ, ATM, POS và các phương thức thanh toán sử dụng công nghệ cao. | Vụ Thanh toán | Cục CNTT, NAPAS | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9a.6** | | Xây dựng cơ chế và khuôn khổ pháp lý rõ ràng để cho phép thành lập các tổ chức xử lý bù trừ tập trung các giao dịch thanh toán trên nguyên tắc cạnh tranh, tạo cơ sở phát triển thanh toán trên bề rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán. | Vụ Thanh toán | Vụ Pháp chế, Cục CNTT, CQTTGSNH | Các cơ chế, chính sách liên quan và việc triển khai thực hiện | 2018-2020 |
| **9a.7** | | Xây dựng Chiến lược phát triển hệ thống công nghệ thông tin và an toàn, an ninh mạng của hệ thống ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | Cục CNTT | Viện CLNH, Vụ Thanh toán,CQTTGSNH, Văn phòng NHNN và các vụ, cục liên quan | Chiến lược phát triển hệ thống công nghệ thông tin và an toàn, an ninh mạng của hệ thống ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 2019 |
| **9** | Chú trọng phát triển khoa học công nghệ | | | | | |
| **9b.1** | | Tăng quyền tự chủ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, các tổ chức nghiên cứu và đào tạo trong ngành. | Vụ TCCB | Viện CLNH, Học viện Ngân hàng, Đại học Ngân hàng TP HCM, Trường Bồi dưỡng cán bộ | Đề án tự chủ và việc triển khai thực hiện | 2020-2025 |
| **9b.2** | | Tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ | Vụ TC-KT | Viện CLNH, Học | Nhiệm vụ thường | Hàng |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ngành Ngân hàng. | | viện ngân hàng, Đại học Ngân hàng TP HCM, Trường Bồi dưỡng cán bộ, các Vụ, Cục liên quan | xuyên | năm |
| **9b.3** | | Chú trọng chất lượng công tác nghiên cứu và quản lý khoa học, tăng cường nghiên cứu khoa học ứng dụng. | Viện CLNH | Học viện Ngân hàng, Đại học Ngân hàng TP HCM, Trường Bồi dưỡng cán bộ và các đơn vị liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9b.4** | | Khuyến khích sáng kiến, cải tiến; mở rộng các hoạt động hợp tác, thành lập quỹ tài trợ của TCTD đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của ngành. | Viện CLNH | Vụ TCCB, Vụ HTQT, các Vụ, Cục liên quan, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9b.5** | | Gắn kết các hoạt động nghiên cứu khoa học với thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hoạt động, kinh doanh ngân hàng. | Viện CLNH | Học viện Ngân hàng, Đại học Ngân hàng TP HCM, Trường Bồi dưỡng cán bộ và các đơn vị liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9c** | Chú trọng phát triển nguồn nhân lực ngành Ngân hàng | | | | | |
| **9c.1** | | Xây dựng các tiêu chuẩn nghề nghiệp, áp dụng chứng chỉ hành nghề đối với một số vị trí cốt lõi trong ngành Ngân hàng. | Vụ TCCB | Trường Bồi dưỡng cán bộ, Học viện Ngân hàng, Đại học ngân hàng TP HCM, các đơn vị liên quan | Bộ tiêu chuẩn nghề nghiệp, áp dụng chứng chỉ hành nghề đối với một số vị trí cốt lõi trong ngành Ngân hàng | 2018-2020 |
| **9c.2** | | Tăng cường hợp tác giữa đơn vị đào tạo và đơn vị sử dụng lao động trong ngành Ngân hàng. | Vụ TCCB | Trường Bồi dưỡng cán bộ, Học viện Ngân hàng, Đại học ngân hàng TP HCM các đơn vị liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9c.3** | | Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất | Vụ TCCB | Trường Bồi dưỡng | Nhiệm vụ thường | Hàng |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, chuyên gia đầu ngành để đạt trình độ ngang tầm khu vực và quốc tế. Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ chuyên gia, chuyên sâu trong các lĩnh vực của ngành Ngân hàng như: CSTT, quản lý dự trữ ngoại hối, thanh toán, thanh tra, giám sát ngân hàng, phân tích, dự báo, quản trị rủi ro... | | cán bộ, Học viện Ngân hàng, Đại học ngân hàng TP HCM | xuyên | năm |
| **9c.4** | | Đào tạo lực lượng cán bộ nắm bắt được tiến bộ khoa học công nghệ và ứng dụng vào thực tiễn của ngành, đồng thời trang bị, đào tạo kỹ năng mới cho đội ngũ cán bộ hiện hữu, đảm bảo các cán bộ nghiệp vụ của NHNN có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, phương thức làm việc tiên tiến, có năng lực đề xuất, tham mưu xây dựng chính sách, thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, phù hợp với những đòi hỏi của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ; tăng cường tính tự chủ và trách nhiệm của cá nhân. | Vụ TCCB | Trường Bồi dưỡng cán bộ, Học viện Ngân hàng, Đại học ngân hàng TP HCM, Cục CNTH | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9c.5** | | Xây dựng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin tại các TCTD, có trình độ nghiệp vụ giỏi, tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng nhu cầu quản trị vận hành và làm chủ các hệ thống công nghệ hiện đại. | TCTD | | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **9c.6** | | Tăng cường hợp tác, tận dụng hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu từ các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Phát triển châu Á, ngân hàng trung ương | Vụ TCCB | Vụ HTQT, Viện CLNH | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | các nước phát triển... để nâng cao trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đội ngũ quản lý và nhân viên của ngành. | | | | |
| **9d** | | Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của ngành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | Vụ TCCB | Trường Bồi dưỡng cán bộ, Học viện Ngân hàng, Đại học ngân hàng TP HCM, các đơn vị liên quan | Quyết định ban hành Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của ngành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 2020 |
| **10. Tăng cường hợp tác quốc tế và đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng** | | | | | | |
| **10a** | Tiếp tục thực hiện chương trình hành động của Chính phủ, của NHNN thực hiện Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế; Phối hợp với các Bộ, Cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. | | Vụ HTQT | Các đơn vị, vụ, cục liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **10b** | Tiếp tục triển khai thực hiện các cam kết trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng theo khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do đã ký | | Vụ HTQT | Các đơn vị, vụ, cục liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **10c** | Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế đa phương, đẩy mạnh quy mô và chiều sâu các hoạt động trong khuôn khổ | | Vụ HTQT | Các đơn vị, vụ, cục liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ASEAN, ASEAN+3, SEACEN, ASEM, APEC, và các diễn đàn về tài chính ngân hàng và tài chính toàn diện...; Duy trì, phát triển và tăng cường hợp tác song phương với ngân hàng trung ương, cơ quan quản lý tiền tệ/ngân hàng các nước trong khu vực và trên thế giới; Tham gia tích cực vào các diễn đàn hợp tác song phương của Chính phủ (Ủy ban hỗn hợp/Ủy ban liên Chính phủ) nhằm thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và các đối tác; Nâng cao hiệu quả và phát triển theo chiều sâu các quan hệ với các đối tác truyền thống và mở rộng quan hệ với các đối tác mới nhằm tăng cường hiệu quả đối ngoại trong lĩnh vực ngân hàng. | | | | | |
| **10đ** | Tăng cường quan hệ, nâng cao vị thế, tiếng nói của Việt Nam và NHNN tại các tổ chức tài chính - tiền tệ ngân hàng quốc tế, các diễn đàn khu vực/thế giới và các đối tác quốc tế khác | | Vụ HTQT | Các đơn vị, Vụ, Cục liên quan | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **10đ** | Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và kỹ thuật từ các đối tác quốc tế cho phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam nói chung và của ngân hàng nói riêng; Chủ động tìm kiếm các đối tác mới, tham | | Vụ HTQT | Vụ CSTT, Vụ QLNH, CQTTGSNH, Văn phòng NHNN, Vụ truyền thông | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | gia vào các thể chế, diễn đàn tài chính, tiền tệ khu vực và thế giới để tăng cường nguồn lực tài chính và kỹ thuật phục vụ cho mục tiêu phát triển quốc gia. | | | | | |
| **10e** | Chủ động nắm bắt và chia sẻ thông tin giữa các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế và ngân hàng trung ương các nước để có biện pháp ứng phó kịp thời với những khó khăn, rủi ro tài chính toàn cầu | | Vụ HTQT | Vụ CSTT, Vụ QLNH, CQTTGSNH, Văn phòng NHNN, Vụ truyền thông, Viện CLNH | Nhiệm vụ thường xuyên | Hàng năm |
| **10g** | Phát triển năng lực hội nhập quốc tế, chuẩn bị nguồn lực về con người, kỹ thuật và quản lý đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế nhằm chuẩn bị tốt các nguồn lực để cử, tiến cử và giới thiệu vào làm việc tại các tổ chức quốc tế. | Đề án khung về việc chuẩn bị nguồn lực, cử và tiến cử đại diện tham gia học tập, công tác, nghiên cứu, biệt phái và trao đổi cán bộ tại các thể chế tài chính ngân hàng quốc tế đến năm 2030. | Vụ HTQT | Vụ TCCB, Viện CLNH và các đơn vị có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án | 2019 |
| **11. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông của Ngân hàng Nhà nước** | | | | | | |
| | Xây dựng Kế hoạch truyền thông cho NHNN trong từng giai đoạn | | Vụ Truyền thông | Vụ CSTT, Vụ QLNH, CQTTGSNH, Văn phòng NHNN, Vụ truyền thông, Viện CLNH, Vụ Tín dụng CNKT, Vụ Thanh toán, VAMC, Vụ Pháp chế, đơn vị truyền thông của NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố, Thời báo Ngân hàng, Tạp chí Ngân hàng | Kế hoạch truyền thông | 2018-2025 |

**PHỤ LỤC 2**

**CÁC NỘI DUNG TỐI THIỂU TẠI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA ĐƠN VỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /QĐ-NHNN ngày 07/01/2019 của Thống đốc NHNN)*

## Phần I: Đánh giá thực trạng

Cần đánh giá được những thành tựu nổi bật đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân chủ quan, khách quan của các hạn chế trong quá trình hoạt động; trên cơ sở đó, xác định điểm mạnh và điểm yếu của đơn vị (giai đoạn đánh giá do đơn vị chủ động xác định tùy thuộc đặc điểm hoạt động của đơn vị, làm cơ sở xây dựng Chiến lược phát triển).

## Phần II. Chiến lược phát triển

### I. Bối cảnh thực hiện Chiến lược

Cần đánh giá một cách toàn diện bối cảnh thực hiện Chiến lược phát triển của đơn vị; Phân tích những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị; những cơ hội, khó khăn, thách thức sẽ gặp phải trong tương lai.

### II. Quan điểm, mục tiêu

Xác định thời kỳ và các giai đoạn của Chiến lược; các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và mục tiêu ưu tiên (trụ cột Chiến lược).

### III. Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chiến lược

Căn cứ vào mục tiêu của Chiến lược và nguồn lực của đơn vị để đưa ra các giải pháp đảm bảo tính hợp lý và tính khả thi, đảm bảo hiệu lực và hiệu quả của Chiến lược.

### IV. Lộ trình và tổ chức thực hiện

Nêu cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện cho các giai đoạn của Chiến lược và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan.

**PHỤ LỤC 3**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Áp dụng cho các Vụ, Cục thuộc NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Nhà máy in tiền quốc gia, Hiệp hội quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Hợp tác xã, Ngân hàng Chính sách xã hội, VAMC, CIC, NAPAS)*

- Tên đơn vị:……

- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):…

**I. Kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công làm đơn vị chủ trì tại Chương trình hành động**

*(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)*

| Tên nhiệm vụ | Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo | Khả năng hoàn thành theo dự kiến (Áp dụng đối với các nhiệm vụ có quy định thời hạn hoàn thành) |
|---|---|---|
| Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục 1 của Chương trình hành động | | |
| Các nhiệm vụ nêu tại mục III- Tổ chức thực hiện của Chương trình hành động | | |

**II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai**

*(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra (tại Phần A, phụ lục 1) hoặc quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được phân công (tại phần B, phụ lục 1))*

**III. Công tác phối hợp giữa đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp**

*(Nêu thực trạng công tác phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai nhiệm vụ)*

**IV. Đề xuất, kiến nghị**

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II, III (nếu có);

- Kiến nghị điều chỉnh Chương trình hành động (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

***Nơi nhận:***
- Viện CLNH, NHNN.

**PHỤ LỤC 4**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Áp dụng đối với Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng)*

- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):...

**I. Kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công làm đơn vị chủ trì tại Chương trình hành động**

*(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)*

| Tên nhiệm vụ | Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo | Khả năng hoàn thành theo dự kiến (Áp dụng đối với các nhiệm vụ có quy định thời hạn hoàn thành) |
|---|---|---|
| Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục 1 của Chương trình hành động | | |
| Các nhiệm vụ nêu tại mục III - Tổ chức thực hiện của Chương trình hành động | | |

**II. Căn cứ kết quả công tác quản lý, thanh tra, giám sát, báo cáo đánh giá việc thực hiện của các TCTD đối với nhóm nhiệm vụ, giải pháp số 7 của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng: *"Phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế"*, như sau:**

*(Yêu cầu: báo cáo, đánh giá đối với từng loại hình TCTD trong hệ thống và có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước.)*

***1. Đối với các NHTM, các TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô***

a. Lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính

*Đánh giá khả năng lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính qua tối thiểu một số chỉ tiêu sau:*

- Tổng tài sản;

- Vốn điều lệ;

- Tỷ lệ an toàn vốn CAR;

- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ.

b. Chuyển đổi mô hình kinh doanh (Áp dụng đối với NHTM)

*Đánh giá việc chuyển đổi mô hình kinh doanh của NHTM qua tối thiểu một số chỉ tiêu/nội dung sau:*

- Tỷ trọng thu từ hoạt động phi tín dụng/Tổng thu nhập;

- Tỷ trọng cấp tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên/Tổng dư nợ tín dụng;

- Tình hình thoái vốn từ ngoài ngành, lĩnh vực phi tài chính.

c. Nâng cao năng lực quản trị, điều hành, tính minh bạch trong hoạt động của TCTD

*Đánh giá việc nâng cao năng lực quản trị, điều hành, tính minh bạch qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Thực trạng công tác quản trị rủi ro (bao gồm việc triển khai Basel II – Áp dụng đối với NHTM);

- Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị, điều hành của các TCTD theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế;

- Thực trạng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh;

- Thực trạng đa dạng hóa cơ cấu cổ đông (Áp dụng đối với TCTD cổ phần);

- Thực trạng công bố thông tin của TCTD theo quy định của pháp luật;

- Thực trạng thực hiện việc niêm yết trên thị trường chứng khoán trong nước, quốc tế (Áp dụng đối với TCTD cổ phần).

d. Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin

*Đánh giá việc hiện đại hóa công nghệ thông tin qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro;

- Các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ thông tin đã triển khai.

e. Hiện đại hóa hệ thống thanh toán nội bộ (Áp dụng đối với NHTM)

f. Vai trò chủ lực, chủ đạo của NHTM Nhà nước

*Đánh giá vai trò chủ lực, chủ đạo của các NHTM Nhà nước thông qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Thị phần về một số chỉ tiêu cơ bản (Tổng tài sản, vốn điều lệ, số dư huy động, dư nợ cho vay trong toàn hệ thống...);

- Thực trạng áp dụng công nghệ ngân hàng hiện đại, năng lực quản trị và hội nhập quốc tế; so sánh với các loại hình TCTD trong toàn hệ thống về các lĩnh vực này;

- Việc tích cực tham gia cơ cấu lại các TCTD yếu kém.

***2. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân***

a. Lành mạnh và nâng cao năng lực tài chính

*Đánh giá khả năng lành mạnh và nâng cao năng lực tài chính qua tối thiểu một số chỉ tiêu sau:*

- Tổng tài sản;

- Vốn điều lệ;

- Tỷ lệ an toàn vốn CAR;

- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng.

b. Nâng cao năng lực quản trị điều hành

*Đánh giá việc nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống QTDND thông qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản trị điều hành;

- Thực trạng công tác quản trị rủi ro;

- Thực trạng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh;

c. Hiện đại hóa công nghệ thông tin

*Đánh giá việc hiện đại hóa công nghệ thông tin qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro;

- Các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ thông tin đã triển khai.

d. Tôn chỉ mục đích và nguyên tắc hoạt động của loại hình TCTD là hợp tác xã

*Đánh giá về tôn chỉ mục đích và nguyên tắc hoạt động của QTDND thông qua tối thiểu một số chỉ tiêu sau:*

- Tỷ trọng huy động từ thành viên/Tổng huy động;

- Tỷ trọng cho vay thành viên/Tổng dư nợ.

e. Đa dạng hóa và hiện đại hóa các sản phẩm dịch vụ

- Thu nhập từ hoạt động phi tín dụng/Tổng thu nhập;

- Các loại sản phẩm dịch vụ phổ biến;

- Các loại sản phẩm, dịch vụ khác.

**III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai**

*(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra (tại Phần A, phụ lục 1) hoặc quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được phân công (tại phần B, phụ lục 1))*

**IV. Công tác phối hợp giữa đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp**

*(Nêu thực trạng công tác phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai nhiệm vụ)*

**V. Đề xuất, kiến nghị**

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục III, IV (nếu có);

- Kiến nghị điều chỉnh Chương trình hành động (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

***Nơi nhận:***
- Viện CLNH, NHNN.

**PHỤ LỤC 5**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Áp dụng đối với NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố)*

- Tên đơn vị:.....

- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):...

**I. Về việc thực hiện nội dung liên quan nêu tại nhóm nhiệm vụ, giải pháp số 7 của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng: *"Phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế"* của các QTDND trên địa bàn và Ngân hàng Hợp tác xã**

*(Yêu cầu: đánh giá đối với toàn bộ các QTDND trên địa bàn và báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)*

1. Lành mạnh và nâng cao năng lực tài chính

*Đánh giá khả năng lành mạnh và nâng cao năng lực tài chính qua tối thiểu một số chỉ tiêu sau:*

- Tổng tài sản;

- Vốn điều lệ;

- Tỷ lệ an toàn vốn CAR;

- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng.

2. Nâng cao năng lực quản trị điều hành

*Đánh giá việc nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống QTDND thông qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản trị điều hành;

- Hoàn thiện và triển khai các quy định nội bộ, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật;

- Thực trạng công tác quản trị rủi ro ;

- Thực trạng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh.

3. Hiện đại hóa công nghệ thông tin

*Đánh giá việc hiện đại hóa công nghệ thông tin qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro;

- Các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ thông tin đã triển khai.

4. Tôn chỉ mục đích và nguyên tắc hoạt động của loại hình TCTD là hợp tác xã

*Đánh giá về tôn chỉ mục đích và nguyên tắc hoạt động của QTDND thông qua tối thiểu một số chỉ tiêu sau:*

- Tỷ trọng huy động từ thành viên/Tổng huy động;

- Tỷ trọng cho vay thành viên/Tổng dư nợ.

5. Đa dạng hóa và hiện đại hóa các sản phẩm dịch vụ

- Thu nhập từ hoạt động phi tín dụng/Tổng thu nhập;

- Các loại sản phẩm dịch vụ phổ biến;

- Các loại sản phẩm, dịch vụ khác.

6. Đánh giá vai trò và trách nhiệm của Ngân hàng Hợp tác xã:

- Trong điều hòa vốn, kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ khoản vay của khách hàng;

- Hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ ngân hàng, công nghệ thông tin, hỗ trợ hoạt động ngân hàng đối với QTDND thành viên;

- Tham gia xử lý đối với QTDND thành viên gặp khó khăn hoặc có dấu hiệu mất an toàn trong hoạt động.

**II. Tình hình rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động; sắp xếp lại NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố**

*(Thực hiện sau khi có hướng dẫn của NHNN (Vụ Tổ chức cán bộ))*

**III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai**

*(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)*

**IV. Công tác phối hợp giữa đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp**

*(Nêu thực trạng công tác phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai nhiệm vụ)*

**V. Đề xuất, kiến nghị**

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục III, IV (nếu có);

- Kiến nghị điều chỉnh Chương trình hành động (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

***Nơi nhận:***
- Viện CLNH, NHNN;
- CQTTGSNH, NHNN;
- Vụ TCCB, NHNN.

**PHỤ LỤC 6**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Áp dụng đối với NHTM, TCTD phi ngân hàng, Tổ chức tài chính vi mô)*

- Tên đơn vị:.....

- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):...

**I. Kết quả triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển ngành ngân hàng**

*(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)*

***1. Về việc xây dựng và ban hành chiến lược phát triển***

*(Báo cáo thực trạng xây dựng và ban hành chiến lược phát triển)*

***2. Về việc thực hiện nội dung liên quan nêu tại nhóm nhiệm vụ, giải pháp số 7 của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng: "Phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế"***

a. Lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính

*Đánh giá khả năng lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính qua tối thiểu một số chỉ tiêu sau:*

- Tổng tài sản;

- Vốn điều lệ;

- Tỷ lệ an toàn vốn CAR;

- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ.

b. Chuyển đổi mô hình kinh doanh (Áp dụng đối với NHTM)

*Đánh giá việc chuyển đổi mô hình kinh doanh của NHTM qua tối thiểu một số chỉ tiêu/nội dung sau:*

- Tỷ trọng thu từ hoạt động phi tín dụng/Tổng thu nhập;

- Tỷ trọng cấp tín dụng cho từng lĩnh vực ưu tiên/Tổng dư nợ tín dụng:

+ Cấp tín dụng cho nông nghiệp nông thôn;

+ Cấp tín dụng cho xuất khẩu;

+ Cấp tín dụng phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa;

+ Cấp tín dụng cho ngành công nghiệp hỗ trợ;

+ Cấp tín dụng phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Tình hình thoái vốn từ ngoài ngành, lĩnh vực phi tài chính.

c. Nâng cao năng lực quản trị, điều hành, tính minh bạch trong hoạt động của TCTD

*Đánh giá việc nâng cao năng lực quản trị, điều hành, tính minh bạch qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Thực trạng công tác quản trị rủi ro (bao gồm việc triển khai Basel II – Áp dụng đối với NHTM);

- Mức độ áp dụng các quy định về quản trị ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế;

- Thực trạng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh;

- Thực trạng đa dạng hóa cơ cấu cổ đông (Áp dụng đối với TCTD cổ phần);

- Thực trạng công bố thông tin của TCTD;

- Thực trạng thực hiện việc niêm yết trên thị trường chứng khoán trong nước/quốc tế (Áp dụng đối với TCTD cổ phần).

d. Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin

*Đánh giá việc hiện đại hóa công nghệ thông tin qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro;

- Các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ thông tin đã triển khai.

e. Hiện đại hóa hệ thống thanh toán nội bộ (Áp dụng đối với NHTM)

**II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai**

*(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)*

**III. Đề xuất, kiến nghị**

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II;

- Kiến nghị điều chỉnh Chương trình hành động (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan./.

***Nơi nhận:***
- Viện CLNH, NHNN;
- CQTTGSNH, NHNN.

**PHỤ LỤC 7**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Áp dụng đối với Quỹ tín dụng nhân dân)*

- Tên đơn vị:.....

- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):....

**I. Về việc thực hiện nội dung liên quan nêu tại nhóm nhiệm vụ, giải pháp số 7 của Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng: *"Phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế"***

*(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)*

1. Lành mạnh và nâng cao năng lực tài chính

*Đánh giá khả năng lành mạnh và nâng cao năng lực tài chính qua tối thiểu một số chỉ tiêu sau:*

- Tổng tài sản;

- Vốn điều lệ;

- Tỷ lệ an toàn vốn CAR;

- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng.

2. Nâng cao năng lực quản trị điều hành

*Đánh giá việc nâng cao năng lực quản trị điều hành thông qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản trị điều hành;

- Hoàn thiện và triển khai các quy định nội bộ, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật;

- Thực trạng công tác quản trị rủi ro;

- Thực trạng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh;

3. Hiện đại hóa công nghệ thông tin.

*Đánh giá việc hiện đại hóa công nghệ thông tin qua tối thiểu một số nội dung sau:*

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro;

- Các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ thông tin đã triển khai.

4. Tôn chỉ mục đích và nguyên tắc hoạt động của loại hình TCTD là hợp tác xã

*Đánh giá về tôn chỉ mục đích và nguyên tắc hoạt động của QTDND thông qua tối thiểu một số chỉ tiêu sau:*

- Tỷ trọng huy động từ thành viên/Tổng huy động;

- Tỷ trọng cho vay thành viên/Tổng dư nợ.

5. Đa dạng hóa và hiện đại hóa các sản phẩm dịch vụ

- Thu nhập từ hoạt động phi tín dụng/Tổng thu nhập;

- Các loại sản phẩm dịch vụ phổ biến;

- Các loại sản phẩm, dịch vụ khác.

**II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai**

*(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)*

**III. Đề xuất, kiến nghị**

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II;

- Kiến nghị điều chỉnh Chương trình hành động (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan./.

***Nơi nhận:***
- NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố nơi QTDND đặt trụ sở.